

Số: 01/BB - ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN

**Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN**

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin

- Địa chỉ: số 108 Lê Thánh Tông, Hạ Long, Quảng Ninh

- MST: 5700647458.

I. Thời gian họp: Từ 8h30 phút ngày 21 tháng 4 năm 2023.

II. Địa điểm họp: tại Văn phòng Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN (trụ sở mới: ô số 16, lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

III. Thành phần tham dự Đại hội:

1. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN gồm:

Ông Phạm Thế Trọng Toàn Ủy viên HĐQT, Giám đốc

Ông Trịnh Mạnh Hùng Ủy viên HĐQT

Bà Trần Thị Thu Hiền Ủy viên HĐQT.

2. Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN gồm:

Bà Bạch Thị Thu Huyền Trưởng Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Thủy Kiểm soát viên.

Ông Trần Thế Nam Kiểm soát viên.

3. Các cổ đông của Công ty như sau:

a. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN là 100 tỷ đồng, tương ứng với 10 triệu cổ phần. Chốt danh sách ngày đăng ký cuối cùng ngày 31/3/2023 của Công ty gồm có 02 cổ đông tổ chức và 526 cổ đông cá nhân.

b. Số cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 là: 11 cổ đông, sở hữu 8.586.640 cổ phần, chiếm 85,86% số cổ phần biểu quyết, trong đó:

* Cổ đông tổ chức Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận sở hữu 6.950.221 cổ phần. Người đại diện: Bà Đặng Thu Hương, Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

* Các cổ đông cá nhân tham dự gồm 10 cổ đông:

1. Ông Phạm Thế Trọng Toàn sở hữu 695.409 CP.
2. Ông Trịnh Mạnh Hùng sở hữu và đại diện sở hữu 816.950 CP.
3. Bà Trần Thị Thu Hiền sở hữu 32.900 CP
4. Ông Nguyễn Hoàng Quân sở hữu và đại diện sở hữu 18.400 CP.
5. Bà Dương Lệ Anh sở hữu 2.585 CP.
6. Bà Bùi Thị Linh sở hữu 57 CP.
7. Ông Nguyễn Văn Vịnh sở hữu 32.918 CP
8. Bà Đỗ Thị Thu Huyền sở hữu 15.100 CP
9. Bà Đinh Thị Huyền Trang sở hữu 7.500 CP.
10. Bà Nguyễn Quỳnh Nga sở hữu 14.600 CP

IV. Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội:

1. Chủ tọa Đại hội: Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty (Ông Trịnh Trung Úy - Chủ tịch HĐQT Công ty bị ốm do vậy ủy quyền cho ông Phạm Thế Trọng Toàn) Có giấy Ủy quyền kèm theo.

2. Chủ tọa Đại hội giới thiệu: Ông Nguyễn Hoàng Quân – Người phụ trách quản trị Công ty làm Thư ký Đại hội và đã được các cổ đông biểu quyết tán thành 8.586.640 cổ phần, chiếm 100%.

3. Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu gồm:

- | | |
|------------------------|------------|
| + Bà Bùi Thị Linh: | Trưởng ban |
| + Bà Lê Thị Thu Huyền: | Ủy viên. |
| + Bà Hoàng Ngọc Hà: | Ủy viên. |

Ban kiểm phiếu đã được các cổ đông biểu quyết tán thành 8.591.140 cổ phần, chiếm 100%.

V. Tiến hành Đại hội:

1. Ông Trần Thế Nam – Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã đọc Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông và công bố 12 cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, sở hữu 8.586.640 cổ phần, chiếm 85,86% số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN, Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN đã hội đủ các điều kiện để tiến hành.

2. Chủ tọa Đại hội giới thiệu bà Trần Thị Thanh Loan đọc Quy chế tham dự đại hội và được các cổ đông biểu quyết tán thành 8.586.640 cổ phần, chiếm 100%.

VI. Nội dung cuộc họp:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và thẩm định báo cáo tài chính năm 2022.
3. Thông qua Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
4. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
5. Thông qua sửa đổi Điều lệ công ty.
6. Thông qua thay đổi Thành viên HĐQT Công ty.
7. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
8. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022.
9. Thông qua quyết toán thù lao năm 2022 cho các thành viên HĐQT, BKS và phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2023.
10. Thông qua Hợp đồng mua bán, dịch vụ, vận chuyển vay, cho vay năm 2023.

VI. Nghị quyết:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023:

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên Hội đồng quản trị trình bày báo cáo số 120/BC-HĐQT ngày 06/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

Hội đồng quản trị Công ty đã quản lý điều hành Công ty theo đúng quy định của Nhà nước. Các văn bản pháp lý như Nghị quyết, Quyết định, Quy chế quản lý Công ty ban hành theo đúng quy phạm pháp luật, tạo điều kiện cho bộ máy điều hành hoạt động ổn định. Các thành viên trong HĐQT Công ty thực hiện đúng các chức trách khi được phân công.

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát về giám sát hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty, thẩm định báo cáo tài chính năm 2022.

Đại hội nghe bà Bạch Thị Thu Huyền – Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày báo cáo số 01/BC-VWTC – BKS ngày 24/3/2023 của Ban kiểm soát Công ty về giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc công ty năm 2022.

Ban kiểm soát Công ty trong năm 2022 thực hiện đúng chức trách kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát công ty nhất trí số liệu báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty sau kiểm toán.

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

3. Chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:

Đại hội nghe bà Bạch Thị Thu Huyền – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Tờ trình số 01/TTr-VWTC ngày 24/3/2023 của Ban kiểm soát Công ty về chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN.

Xét Hồ sơ năng lực kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán BDO Việt Nam.

Ban kiểm soát chọn Công ty TNHH Kiểm toán BDO Việt Nam có địa chỉ tại tầng 20 tòa nhà Icon 4, số 243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội có đủ điều kiện và năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với các Công ty cổ phần đại chúng thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán và thực tế Công ty đã kiểm toán trong nhiều năm trước.

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: chọn Công ty TNHH Kiểm toán BDO Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty.

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

4. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty:

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty đọc Tờ trình số 117/TTr-VWTC ngày 05/4/2023 về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

6.1 Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí:

Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 với những nội dung chủ yếu như sau:

a. Tổng sản lượng: 4.887.305 tấn.
* Sản lượng vận tải và thuê tàu: 4.021.731 tấn
* Sản lượng kinh doanh than: 865.574 tấn

(Chữ ký)

b. Tổng Doanh thu:	3.253.046 triệu đồng
- Doanh thu vận tải và thuê tàu:	576.899 triệu đồng.
- Doanh thu kinh doanh than + khác:	2.676.147 triệu đồng
c. Giá trị sản xuất:	228.161 triệu đồng
- GTSX vận tải và thuê tàu	157.177 triệu đồng.
- GTSX kinh doanh than:	70.984 triệu đồng
d. Lợi nhuận trước thuế:	50.470 triệu đồng
e. Thu nhập bq:	15.432.000 đ/người/tháng.

6.2 Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty với những nội dung chủ yếu như sau:

a. Tổng sản lượng:	4.041.000 tấn
* Sản lượng vận tải và thuê tàu:	3.491.000 tấn
* Sản lượng kinh doanh than:	550.000 tấn
b. Tổng doanh thu:	2.290.762 triệu đồng
c. Giá trị sản xuất:	206.020 triệu đồng.
d. Lợi nhuận trước thuế:	20.000 triệu đồng.
e. Thu nhập bình quân:	14.716.000 đ/ng/tháng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty khi điều kiện và các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

5. Sửa đổi Điều lệ Công ty.

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty đọc Tờ trình số 111/TTr- VWTC ngày 02/4/2023 về sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Thực hiện Hợp đồng thuê trụ sở làm Văn phòng của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin số 01.11.2022/HĐTN ngày 01/11/2022 giữa Công ty CP Vận tải thủy – Vinacomin và ông Trịnh Trung Úy; bà Nguyễn Thị Nga tại ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tại khoản 5, Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh,

văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Trụ sở mới Công ty:

Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin

Địa chỉ: Ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3518.069

Fax: 0203.3518059

Email: vantaithuytkv@vnn.vn

Website: vantaithuytkv.vn

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

6. Thay đổi Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty đọc Tờ trình số 113/TTr- VWTC ngày 02/4/2023 về thay đổi Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ IV (2019-2024).

Công ty có Thông báo số 112/TB-VWTC ngày 02/4/2023 về việc ứng cử, đề cử 01 thành viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2019-2024) do ông Vũ Văn Tâm - Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty có đơn xin từ nhiệm Ủy viên HĐQT công ty kể từ ngày 01/11/2022.

Tại Đại hội, không có ứng viên nào tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2019-2024).

Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Ủy viên Hội đồng quản trị thay mặt HĐQT công ty giới thiệu bà Đặng Thu Hương – Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận (cổ đông tổ chức chi phối chiếm 69,50 số cổ phần của Công ty) tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ IV (2019-2024).

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: bầu bà Đặng Thu Hương – Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải thủy – Vinacomin nhiệm kỳ IV (2019-2024) kể từ ngày 21/4/2023.

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

7. Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán:

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty đọc Tờ trình số 108/TTr-VWTC ngày 02/4/2023 về báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam. ✓

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam với những nội dung chính như sau:

1. Tài sản ngắn hạn:	45.999.399.342
- Tiền và các khoản tương đương Tiền	3.017.864.435
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	
- Các khoản phải thu	30.048.890.187
- Hàng tồn kho	12.058.576.052
- Tài sản ngắn hạn khác	874.068.668
2. Tài sản dài hạn:	214.522.183.722
- Các khoản phải thu dài hạn	190.017.000.000
- Tài sản cố định:	1.418.698.245
+ Tài sản cố định hữu hình	1.418.698.245
+ Tài sản cố định thuê tài chính	
+ Tài sản cố định vô hình	
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	
- Bất động sản đầu tư	
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	
+ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	
+ Đầu tư dài hạn khác	
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	
- Tài sản dài hạn khác	23.086.485.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN:	260.521.583.064
B. NGUỒN VỐN	
1, Nợ phải trả:	34.200.615.348
- Nợ ngắn hạn	34.200.615.348
- Nợ dài hạn	
2, Vốn chủ sở hữu:	226.320.967.716
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	734.747.581
- Quỹ đầu tư phát triển	84.109.046.584
- Quỹ Dự phòng tài chính	
- Lợi nhuận chưa phân phối	41.477.173.551
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	
C. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.229.650.018.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	
3. Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và dịch vụ	3.229.650.018.983
4. Giá vốn hàng bán	3.128.234.162.491
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	101.415.856.492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.848.492.429
7. Chi phí hoạt động tài chính	7.491.679.039
8. Chi phí bán hàng	47.550.985.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.186.912.342
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.034.772.150

d

11. Thu nhập khác	3.548.099.554
12. Chi phí khác	1.112.646.627
13. Lợi nhuận khác	2.435.452.927
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50.470.225.077
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.993.051.526
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	41.477.173.551
D. CÒN PHẢI THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH	
1. Thuế	13.156.668.711
Thuế GTGT bán Hàng nội địa	4.628.678.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.527.990.657
Các khoản Thuế khác	
2. Các khoản phải nộp khác	
TỔNG CỘNG	
E. LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHỤ CẤP HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC	2.365.775.200

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

8. Phân phối lợi nhuận năm 2022.

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty đọc Tờ trình số 121/TTr-VWTC ngày 06/4/2023 về phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty.

- Tổng doanh thu năm 2022 :	3.229.650.018.983 đồng
- Tổng chi phí năm 2022:	3.179.179.793.906 đồng
- Lợi nhuận trước thuế năm 2022:	50.470.225.077 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022:	41.477.173.551 đồng
- Tổng vốn góp đến ngày 31/12/2022 :	100.000.000.000 đồng

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2022:	41.477.173.551 đồng
a. Trích lập quỹ Phúc lợi (2% Tổng LNST)	829.543.471 đồng
b. Trích lập quỹ Khen thưởng (1,0% Tổng LNST)	414.771.735 đồng
c. Trích quỹ Đầu tư phát triển	25.025.472.477 đồng
d. Trích lập quỹ thưởng HĐQT, VCQL	207.385.868 đồng
e. Chia cổ tức (15% Vốn điều lệ)	15.000.000.000 đồng

Tổng cộng: **41.477.173.551 đồng**

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

9. Quyết toán thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022 và phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2023.

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty đọc Tờ trình số 110/TTr-VWTC ngày 02/4/2023 về Quyết toán thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2022 và Phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2023.

a. Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: Thông qua Quyết toán thù lao năm 2022 cho các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát là **308.340.000** đồng (Ba trăm linh tám triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 51.600.000 đồng.
- Ủy viên HĐQT (4 người): 172.040.000 đồng.
- Trưởng BKS: 18.700.000 đồng
- Kiểm soát viên: (2 người) 66.000.000 đồng.

b. Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: Kế hoạch trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023 là: **405.600.000** đồng (Bốn trăm linh lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 1 người x 4.900.000 đ x 12 tháng = 58.800.000 đồng.
- Ủy viên HĐQT: 4 người x 4.340.000 đ x 12 tháng = 208.320.000 đồng.
- Trưởng Ban KS: 1 người x 4.340.000 đ x 12 tháng = 52.080.000 đồng.
- Kiểm soát viên: 2 người x 3.600.000 đ x 12 tháng = 86.400.000 đồng.

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

10. Thông qua Hợp đồng mua bán, dịch vụ, vận chuyển, vay, cho vay năm 2023.

Đại hội nghe bà Trần Thị Thu Hiền - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty đọc Tờ trình số 110/TTr-VWTC ngày 02/4/2023 về Hợp đồng mua bán, dịch vụ, vận chuyển, vay, cho vay năm 2023.

Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí:

Thông qua các Hợp đồng mua mua bán, dịch vụ, vận chuyển, vay, cho vay năm 2023, cụ thể như sau:

- Hợp đồng vận chuyển than số 05-01/2023/HĐVC/VTT-VT ngày 02/01/2023 của Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận. Mã số thuế 5700562451.

- Hợp đồng vận chuyển số 01/HĐVC/TB/2023/VTT-VT ngày 28/02/2023, hợp đồng số 20.03/2023/HĐVC/VTT-VT ngày 20/3/2023; hợp đồng số 19-01/2023/HĐVC/VT-VTT ngày 28/02/2023; hợp đồng số 28.02/HĐVC-NMND/2023/VT-VTT ngày 28/02/2023 của Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận. Mã số thuế 5700562451.

- Hợp đồng vận chuyển số 02/HĐVC/TB/2023/VTT-PT ngày 28/02/2023 và hợp đồng số 02012023/HĐKT/PT-VTT ngày 02/01/2023 của Công ty với Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang. Mã số thuế 5701883401.

- Phụ lục 07.16/HĐVC/2021 ký ngày 31/12/2022 giữa Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận. Mã số thuế 5700562451.

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

11. Thông qua Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Hoàng Quân – Người phụ trách quản trị, Thư ký đại hội trình bày các nội dung hợp tại Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và được biểu quyết thông qua.

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết thúc vào hồi 11h25 ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Biên bản đã thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN với 100 % số phiếu biểu quyết tán thành./.

THƯ KÝ



Nguyễn Hoàng Quân

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ



Phạm Thế Trọng Toàn

Số: 01/NQ - ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY – VINACOMIN**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN sửa đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/7/2022;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023:

Các cổ đông của Công ty nhất trí hoạt động của HĐQT Công ty đã quản lý điều hành Công ty theo đúng quy định của Nhà nước. Các văn bản pháp lý như nghị quyết, quyết định, quy chế quản lý Công ty ban hành theo đúng quy phạm pháp luật, tạo điều kiện cho bộ máy điều hành hoạt động ổn định. Các thành viên trong Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đúng các chức trách khi được phân công.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

Điều 2. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc công ty và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022:

Ban kiểm soát Công ty trong năm 2022 thực hiện đúng chức trách kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát công ty nhất trí số liệu báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty sau kiểm toán.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

Điều 3. Thông qua chọn đơn vị kiểm toán năm 2023 cho Công ty.

Chọn Công ty TNHH Kiểm toán BDO Việt Nam có địa chỉ tại tầng 20 tòa nhà Icon 4, số 243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

Điều 4. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty:

4.1 Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 với những nội dung chủ yếu như sau:

- a. Tổng sản lượng: 4.887.305 tấn.
 - * Sản lượng vận tải và thuê tàu: 4.021.731 tấn
 - * Sản lượng kinh doanh than: 865.574 tấn
- b. Tổng Doanh thu: 3.253.046 triệu đồng
 - Doanh thu vận tải và thuê tàu: 576.899 triệu đồng.
 - Doanh thu kinh doanh than + khác: 2.676.147 triệu đồng
- c. Giá trị sản xuất: 228.161 triệu đồng
 - GTSX vận tải và thuê tàu: 157.177 triệu đồng.
 - GTSX kinh doanh than: 70.984 triệu đồng
- d. Lợi nhuận trước thuế: 50.470 triệu đồng
- e. Thu nhập bình quân: 15.432.000 đ/người/tháng.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

4.2 Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty với những nội dung chủ yếu như sau:

a. Tổng sản lượng:	4.041.000 tấn
* Sản lượng vận tải và thuê tàu:	3.491.000 tấn
* Sản lượng kinh doanh than:	550.000 tấn
b. Tổng doanh thu:	2.290.762 triệu đồng
c. Giá trị sản xuất:	206.020 triệu đồng.
d. Lợi nhuận trước thuế:	20.000 triệu đồng.
e. Thu nhập bình quân:	14.716.000 đ/ng/tháng.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty khi điều kiện và các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

Điều 5. Thông qua sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty tại khoản 5, Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Trụ sở mới Công ty:

Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin

Địa chỉ: Ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3518.069

Fax: 0203.3518059

Email: vantaithuytkv@vnn.vn

Website: vantaithuytkv.vn

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

Điều 6. Thông qua thay đổi Thành viên HĐQT Công ty:

Bà Đặng Thu Hương – Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải thủy – Vinacomin nhiệm kỳ IV (2019-2024).

* Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100%	0%	0%

Điều 7. Thông qua báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam với những nội dung chính như sau:

1. Tài sản ngắn hạn:	45.999.399.342
- Tiền và các khoản tương đương Tiền	3.017.864.435
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	
- Các khoản phải thu	30.048.890.187
- Hàng tồn kho	12.058.576.052
- Tài sản ngắn hạn khác	874.068.668
2. Tài sản dài hạn:	214.522.183.722
- Các khoản phải thu dài hạn	190.017.000.000
- Tài sản cố định:	1.418.698.245
+ Tài sản cố định hữu hình	1.418.698.245
+ Tài sản cố định thuê tài chính	
+ Tài sản cố định vô hình	
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	
- Bất động sản đầu tư	
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	
+ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	
+ Đầu tư dài hạn khác	
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	
- Tài sản dài hạn khác	23.086.485.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN:	260.521.583.064
B. NGUỒN VỐN	
1, Nợ phải trả:	34.200.615.348
- Nợ ngắn hạn	34.200.615.348
- Nợ dài hạn	
2, Vốn chủ sở hữu:	226.320.967.716
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	734.747.581
- Quỹ đầu tư phát triển	84.109.046.584
- Quỹ Dự phòng tài chính	
- Lợi nhuận chưa phân phối	41.477.173.551
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	
C. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.229.650.018.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	
3. Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và dịch vụ	3.229.650.018.983

4. Giá vốn hàng bán	3.128.234.162.491
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	101.415.856.492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.848.492.429
7. Chi phí hoạt động tài chính	7.491.679.039
8. Chi phí bán hàng	47.550.985.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.186.912.342
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.034.772.150
11. Thu nhập khác	3.548.099.554
12. Chi phí khác	1.112.646.627
13. Lợi nhuận khác	2.435.452.927
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50.470.225.077
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.993.051.526
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	41.477.173.551
D. CÒN PHẢI THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH	
1. Thuế	13.156.668.711
Thuế GTGT bán Hàng nội địa	4.628.678.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.527.990.657
Các khoản Thuế khác	
2. Các khoản phải nộp khác	
TỔNG CỘNG	
E. LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHỤ CẤP HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC	2.365.775.200

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

Điều 8. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022.

Lợi nhuận sau thuế năm 2022:	41.477.173.551 đồng
a. Trích lập quỹ Phúc lợi (2% Tổng LNST)	829.543.471 đồng
b. Trích lập quỹ Khen thưởng (1,0% Tổng LNST)	414.771.735 đồng
c. Trích quỹ Đầu tư phát triển	25.025.472.477 đồng
d. Trích lập quỹ thưởng HĐQT, VCQL	207.385.868 đồng
e. Chia cổ tức (15% Vốn điều lệ)	15.000.000.000 đồng

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

Điều 9. Thông qua quyết toán thù lao năm 2022 cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty và Phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2023.

a. Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: Thông qua Quyết toán thù lao năm 2022 cho các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát là **308.340.000** đồng (*Ba trăm linh tám triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn*).

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 51.600.000 đồng.
- Ủy viên HĐQT (4 người): 172.040.000 đồng.
- Trưởng BKS: 18.700.000 đồng
- Kiểm soát viên: (2 người) 66.000.000 đồng.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

b. Sau khi thảo luận, các cổ đông nhất trí: Kế hoạch trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023 là: **405.600.000** đồng (*Bốn trăm linh lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn*).

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 1 người x 4.900.000 đ x 12 tháng = 58.800.000 đồng.
- Ủy viên HĐQT: 4 người x 4.340.000 đ x 12 tháng = 208.320.000 đồng.
- Trưởng Ban KS: 1 người x 4.340.000 đ x 12 tháng = 52.080.000 đồng.
- Kiểm soát viên: 2 người x 3.600.000 đ x 12 tháng = 86.400.000 đồng.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

Điều 10. Thông qua Hợp đồng mua bán, dịch vụ, vận chuyển, vay, cho vay năm 2023.

- Hợp đồng vận chuyển than số 05-01/2023/HĐVC/VTT-VT ngày 02/01/2023 của Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận. Mã số thuế 5700562451.

- Hợp đồng vận chuyển số 01/HĐVC/TB/2023/VTT-VT ngày 28/02/2023, hợp đồng số 20.03/2023/HĐVC/VTT-VT ngày 20/3/2023; hợp đồng số 19-01/2023/HĐVC/VT-VTT ngày 28/02/2023; hợp đồng số 28.02/HĐVC-

NMNĐ/2023/VT-VTT ngày 28/02/2023 của Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận. Mã số thuế 5700562451.

- Hợp đồng vận chuyển số 02/HĐVC/TB/2023/VTT-PT ngày 28/02/2023 và hợp đồng số 02012023/HĐKT/PT-VTT ngày 02/01/2023 của Công ty với Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang. Mã số thuế 5701883401.

- Phụ lục 07.16/HĐVC/2021 ký ngày 31/12/2022 giữa Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận. Mã số thuế 5700562451.

Kết quả biểu quyết:

Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến hoặc ý kiến khác
100	0%	0%

Điều 11. Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2023.

2. Đại hội cổ đông thường niên 2023 Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN uỷ quyền cho ông Phạm Thế Trọng Toàn - Chủ tọa, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty ký các quyết định được thông qua các nội dung trong Nghị quyết này đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Cty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Các uỷ viên HĐQT, Kiểm soát viên Cty;
- Giám đốc, Phó Giám đốc;
- Các Phòng, ban đơn vị trong Cty;
- Lưu Người PTQT Cty; Văn thư.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Phạm Thế Trọng Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN
DANH SÁCH THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Hạ Long, ngày 21/4/2023

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	SỐ CỔ PHẦN ĐƯỢC ỦY QUYỀN	SỐ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN	GHI CHÚ
	Cổ đông tham dự					
1	Cổ đông Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận	Đặng Thu Hương	6,950,221		6,950,221	
2	Cổ đông	Phạm Thế Trọng Toàn	695,409		695,409	
3	Cổ đông	Trần Thị Thu Hiền	32,900		32,900	
4	Cổ đông	Trịnh Mạnh Hùng	546,567	270,383	816,950	
5	Cổ đông	Nguyễn Hoàng Quân	10,000	8,400	18,400	
6	Cổ đông	Nguyễn Văn Vịnh	32,918		32,918	
7	Cổ đông	Dương Lệ Anh	2,585		2,585	
8	Cổ đông	Bùi Thị Linh		57	57	
9	Cổ đông	Đinh Thị Huyền Trang	7,500		7,500	
10	Cổ đông	Đỗ Thị Thu Huyền	15,100		15,100	
11	Cổ đông	Nguyễn Quỳnh Nga	14,600		14,600	
13						
14						
15						
	TỔNG CỘNG		8,307,800	278,840	8,586,640	

THƯ KÝ



Nguyễn Hoàng Quân

TRƯỞNG BAN KIỂM TRA
TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG



Trần Thế Nam



CHỦ TỌA



Phạm Thế Trọng Toàn

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO
KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**

Kính thưa: Các quý vị Đại biểu, thưa toàn thể Đại hội.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN đã được các cổ đông thông qua ngày 27/8/2022.

Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Tôi xin báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN như sau:

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng, tương ứng với 10 triệu cổ phần, tính đến ngày 31/3/2023 Công ty gồm có 2 cổ đông tổ chức và 526 cổ đông thể nhân.

2. Số cổ đông tham dự Đại hội hôm nay là: 11 cổ đông, sở hữu và đại diện ủy quyền 8.586.640 cổ phần, chiếm 85,87 % tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Trong đó:

* Cổ đông tổ chức: Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận sở hữu 6.950.221 cổ phần, chiếm 69,50%. Người đại diện: Bà Đặng Thu Hương - Phó Giám đốc Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận.

* Cổ đông cá nhân sở hữu và đại diện ủy quyền 1.636.419 cổ phần trong đó:

1. Ông Phạm Thế Trọng Toàn: sở hữu 695.409 cổ phần.
2. Ông Trịnh Mạnh Hùng: sở hữu và đại diện ủy quyền 816.950 cổ phần
3. Bà Trần Thị Thu Hiền: sở hữu 32.900 cổ phần.
4. Ông Nguyễn Hoàng Quân: sở hữu và đại diện ủy quyền 18.400 cổ phần.
5. Bà Dương Lệ Anh: sở hữu 2.585 cổ phần.
6. Bà Đinh Thị Huyền Trang: sở hữu 7.500 cổ phần.
7. Bà Đỗ Thị Thu Huyền: sở hữu 15.100 cổ phần.
8. Bà Bùi Thị Linh: sở hữu 57 cổ phần.
9. Ông Nguyễn Văn Vịnh: sở hữu 32.918 cổ phần.
10. Bà Nguyễn Quỳnh Nga: sở hữu 14.600 cổ phần.



Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã kiểm tra giấy mời dự Đại hội, giấy uỷ quyền và các giấy tờ tùy thân của các cổ đông tham dự Đại hội, xác nhận rằng tất cả cổ đông hiện diện ở đây đều có đủ tư cách và năng lực hành vi để tham dự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông trong Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN. Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN hôm nay là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

Xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

**TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN**



Số: 03 /GUQ-VWTC

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 4 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Quý vị Cổ đông công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin

1. Thông tin người ủy quyền :

Ông: Trịnh Trung Úy

Sinh ngày: 15/11/1970

Địa chỉ thường trú: 228 Hoàng Ngân Cầu Giấy Hà Nội

Số Thẻ CCCD: 022071002819 cấp ngày 06/05/2019.

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.

Mã số thuế : 5700647458

Số điện thoại liên hệ: 0913.301.607

2. Thông tin người được ủy quyền :

Ông: Phạm Thế Trọng Toàn

Sinh ngày: 12/11/1977.

Địa chỉ thường trú: Tổ 6A khu 6 Yết Kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh

Số Thẻ CCCD: 034077002344 cấp ngày 23/7/2022

Chức vụ: Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin.

Mã số thuế : 5700647458

Số điện thoại liên hệ: 0912.565.234

3. Nội dung ủy quyền:

Công ty CP Vận tải thủy – Vinacomin tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 21/4/2023. Hiện nay tôi đang bị ốm nên tôi ủy quyền cho ông Phạm Thế Trọng Toàn - Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty thay mặt tôi điều hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

4. Thời hạn ủy quyền :

Việc ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 21/4/2023.

Người ủy quyền cam kết đã biết rõ những nội dung nêu trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Phạm Thế Trọng Toàn

NGƯỜI ỦY QUYỀN



Trịnh Trung Úy

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Thời gian: 8h30 ngày 21/4/2023

TT	NỘI DUNG	NGƯỜI GIỚI THIỆU	NGƯỜI TRÌNH BÀY	HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT
I	Ôn định tổ chức, chào cờ, giới thiệu Đại biểu, Chủ tọa đại hội		Bà Trần Thị Thanh Loan	
II	Giới thiệu: Thư ký; Ban kiểm phiếu và Nội dung Đại hội. Mời Chủ tọa lên Điều hành Đại hội		Bà Trần Thị Thanh Loan	Thẻ biểu quyết
III	Đọc báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông	Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Chủ tọa	Ông Trần Thế Nam - KSV	
IV	Thông qua Quy chế làm việc	Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Chủ tọa	Bà Bùi Thị Linh	Thẻ biểu quyết
V	Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động HĐQT năm 2022 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2023		Bà Trần Thị Thu Hiền - UV HĐQT	Thẻ biểu quyết
VI	Báo cáo của Ban kiểm soát về Giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc; Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022	Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Chủ tọa	Bà Bạch Thị Thu Huyền - Trưởng BKS	Thẻ biểu quyết
VII	Báo cáo Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023			

VIII	Báo cáo của Công ty						
	<p>1. Thông qua Kết quả SXKD 2022 và Kế hoạch SXKD 2023</p> <p>2. Thông qua thay đổi Thành viên HĐQT Công ty. - Phổ biến nguyên tắc đề cử, ứng cử . - Chốt danh sách đề cử, ứng cử. - Bầu thành viên HĐQT.</p> <p>3. Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty</p> <p>4. Thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã được kiểm toán</p> <p>5. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022</p> <p>6. Thông qua quyết toán thù lao các Thành viên HĐQT, BKS 2022 và Phương án trả thù lao 2023</p> <p>7. Thông qua một số Hợp đồng vay, cho vay, mua bán giao dịch hàng hóa các bên có liên quan</p>	Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Chủ tọa	Bà Trần Thị Thu Hiền - UV HĐQT	Thẻ biểu quyết			
IX	Hội đồng quản trị Công ty phát biểu định hướng kế hoạch phát triển của Công ty					Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Chủ tọa	

X	Thông qua Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Chủ tọa	Ông Nguyễn Hoàng Quân - Thư ký	Thẻ biểu quyết
XI	Kết thúc Đại hội		Ông Phạm Thế Trọng Toàn - Chủ tọa	

TM. BAN TỔ CHỨC



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI THỦY - VINACOMIN

Quảng Ninh, ngày 21/4/2023

THẺ BIỂU QUYẾT

CỔ ĐÔNG TỐ CHỨC: CÔNG TY TNHH VẠN TÀI VIỆT THUẬN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN: BÀ ĐẶNG THU HƯƠNG

SỞ HỮU: **6.950.221** CỔ PHẦN

Số: 120 /BC – HĐQT

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

**Hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN (sửa đổi) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/7/2022;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo trước Đại hội về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2022 và đề ra phương hướng nhiệm vụ của HĐQT Công ty năm 2023 như sau:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị công ty và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022:

Ngay từ đầu năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã phân công các thành viên trong Hội đồng và tập trung sự lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất đã tạo ra sự ổn định đồng bộ trong sản xuất kinh doanh, phù hợp với tình hình thực tiễn, đẩy mạnh công tác nâng cao chất lượng vận chuyển, kiểm soát chi phí trong sản xuất.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2022 như:

Đội tàu TKV không phù hợp với nhu cầu của khách hàng mua than, không phù hợp yêu cầu của một số cảng tiếp nhận than; Giá cước vận chuyển hàng ngoài than thấp, không có hiệu quả; Giá nhiên liệu tăng cao

Hội đồng quản trị Công ty duy trì các cuộc họp thường kỳ đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật định. Tổ chức thực hiện tốt công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện được 23 cuộc họp, ban hành 23 Nghị quyết và một số các văn bản khác để thông qua các nội dung chủ yếu như:

- Phê duyệt Kết quả sản xuất kinh doanh 2021.
- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022;
- Phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2021.
- Phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2022.
- Phê duyệt phương án vay vốn các ngân hàng.
- Phê duyệt đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương của Công ty.
- Phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương.
- Phê duyệt Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.
- Thông qua thanh toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và phương án trả thù lao 2022.

- Thông qua Kế hoạch SXKD 2022 của Công ty.
- Thông qua Kế hoạch sửa chữa lớn các tàu biển Công ty.
- Thông qua các Hợp đồng vay vốn giữa các Công ty Vận tải thủy, Việt Thuận, Phương Trang.....
- Thông qua sắp xếp bộ máy hoạt động của Công ty.
- Thông qua họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022.
- Thông qua trích lập tiền lương dự phòng năm 2023.
- Thông qua bổ sung tiền tết dương lịch, âm lịch

Hội đồng quản trị công ty gồm có 5 thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

* Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính SXKD 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh (%) với KH
I	Tổng Sản lượng	Tấn	4.360.000	4.887.305	112,09
II	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	2.050,000	3.253,046	158,69
III	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	228,800	228,161	99,72
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	20.000	50.470	252,35
V	Lao động bình quân	Người	212	143	67,45
VI	Tiền lương bình quân	ngàn/ng/th	12.500	15.432	123,46

Năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty tìm nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí, vật tư, nhiên liệu, tăng cường công tác thị trường. Do vậy năm 2022, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra, đặc biệt về doanh thu và lợi nhuận. Năm 2022 Công ty đã đạt lợi nhuận trước thuế **50.470** triệu đồng.

Hội đồng quản trị Công ty tiến hành họp kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên và đánh giá: Các thành viên Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng, có tinh thần trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của các cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2023:

* Những chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch SXKD năm 2023	Ghi chú
I	Tổng Sản lượng	Tấn	4.041.000	
II	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	2.290,762	
III	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	206.020	
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	20.000	
V	Lao động bình quân	Người	135	
VI	Tiền lương bình quân	nghìn/ng/th	14.716	

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị Công ty đã họp bàn thống nhất phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty năm 2023 như sau:

- Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý để phù hợp với tình hình thực tế theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:

+ Chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Chỉ đạo điều hành khai thác tốt đội tàu biển của Công ty để hạn chế thấp nhất thời gian chờ đợi tại các bến cảng, khai thác tốt hàng hoá vận chuyển cho các phương tiện vận tải của Công ty đặc biệt khai thác nguồn hàng chiều về.

+ Chỉ đạo thực hiện các định mức tiêu hao nhiên liệu, vật tư, chi phí sửa chữa để tiết giảm chi phí, giảm giá thành.

+ Chỉ đạo công tác mua than về pha trộn, chế biến theo đúng quy định để bán cho TKV.

+ Hàng quý, Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp đánh giá kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết đã đề ra đồng thời có những giải pháp chỉ đạo kịp thời làm cơ sở để Giám đốc điều hành thực hiện.

Trên đây là toàn bộ những nội dung hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2022, phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023. Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Cty;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu thư ký HĐQT, Văn thư.



Phạm Thế Trọng Toàn

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY-VINACOMIN
V/v Đánh giá hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban GD Công ty
Thẩm định Báo cáo Tài chính Công ty năm 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/07/2022.

Căn cứ Báo cáo hoạt động của HĐQT, Báo cáo kết quả SXKD của Ban GD.

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán BDO -Việt Nam thực hiện.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát Công ty báo cáo, trình Đại hội kết quả giám sát của Ban Kiểm soát năm 2022 cụ thể như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Nhân sự của Ban kiểm soát.

Ngày 28/07/2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2022 đã bầu ra Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, gồm: Bà Bạch Thị Thu Huyền - Trưởng Ban (Chuyên trách); Bà Lê Thị Thanh Thủy - Thành viên (Kiêm nhiệm); Ông: Trần Thế Nam - Thành viên (Kiêm nhiệm).

2. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát.

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đã họp và thống nhất phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban theo Biên bản phân công nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Định kỳ hàng quý và năm Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo nội dung đã phân công.

Các thành viên Ban Kiểm soát tự chịu trách nhiệm trước các lĩnh vực được giao. Chủ động kiểm soát các lĩnh vực được phân công hoặc phối kết hợp với các thành viên trong ban kiểm soát và hệ thống kiểm soát Công ty mẹ (Công ty TNHH Việt Thuận) để thực thi nhiệm vụ.

Các thành viên Ban kiểm soát chủ động trong các lĩnh vực được phân công nhưng thường xuyên trao đổi công việc trực tiếp hoặc bằng điện thoại, Email.

Trong quá trình kiểm tra, giám sát, các thành viên Ban kiểm soát không được làm ảnh hưởng đến công việc SXKD bình thường của Công ty.

Chủ động kiến nghị với HĐQT và Ban GD Công ty những vi phạm phát hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm về số liệu, tài liệu báo cáo.

Mỗi quý Ban kiểm soát họp 1 lần (*trừ trường hợp đột xuất*) để rút kinh nghiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Công ty:

Năm 2022, Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo đúng Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban.

Cụ thể:

- Giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT thông qua việc thực hiện các văn bản quản lý của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát hoạt động của Ban GD điều hành và các cán bộ quản lý khác trong Công ty thông qua việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và các văn bản quản lý khác của Nhà nước.
- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật và công bố thông tin của Công ty theo quy định.
- Thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban GD Công ty, trình Đại hội đồng cổ đông Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước.
- Giám sát Ban GD Công ty trong việc thực thi những kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ Việt Thuận.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban GD Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban GD và các cuộc họp khác của Công ty (*khi được mời*) với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.
- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban GD Công ty và các Cổ đông.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của HĐQT và Ban GD Công ty.

Phần 2

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Công ty.

Năm 2022, HĐQT Công ty đã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình được quy định tại Luật DN, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định và giám sát việc thực hiện.

Chỉ đạo Ban GD điều hành và các bộ phận quản lý khác trong Công ty thực hiện nghiêm túc các văn bản quản lý của Nhà Nước.

Năm 2022, HĐQT tổ chức 23 cuộc họp thường kỳ và đột xuất (Họp trực tiếp hoặc trực tuyến qua mạng), ban hành 23 Nghị quyết, và nhiều quyết định, văn bản quản lý liên quan đến nhiều lĩnh vực Quản lý điều hành SXKD của Công ty.

Việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quản lý đã giúp cho công tác quản trị điều hành của Công ty trong năm được linh hoạt hơn, hiệu quả hơn. Các văn bản quản lý HĐQT ban hành đúng thẩm quyền, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty.

HĐQT Công ty đã chỉ đạo Ban GD và các bộ phận quản lý khác trong Công ty xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Đầu tư, Tài chính, Tổ chức cán bộ và quản lý nội bộ... thuộc thẩm quyền đồng thời giám sát quá trình triển khai thực hiện.

2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban Giám đốc Công ty:

Năm 2022 Ban GD Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động SXKD theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tổ chức triển khai Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền. Chủ động điều hành hoạt động SXKD theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Quyết định của HĐQT.

Công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng... được thực hiện theo Quy chế, qui định Công ty và văn bản pháp luật của Nhà Nước .

Thực hiện Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản quản lý khác của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá:

Năm 2022, hoạt động SXKD của Công ty bị ảnh hưởng bởi sự suy giảm kinh tế chung của cả nước. Hoạt động chế biến kinh doanh than bị gián đoạn trong 8 tháng liên tục từ tháng 1 đến tháng 8, vì vậy Doanh thu, lợi nhuận sản xuất kinh doanh than đều giảm so với các năm trước.

Để khắc phục khó khăn nêu trên, HĐQT và Ban GD điều hành Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp, tích cực chỉ đạo điều hành Công ty thực hiện kế hoạch SXKD và Nghị quyết ĐHCĐ Công ty đề ra, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt được Cụ thể như sau:

- Sản lượng vận chuyển: 4.021.731 tấn; đạt 113,93% KH năm và bằng 95% cùng kỳ.
- Sản lượng than bán : 865.574 Tấn; đạt 104,29% kế hoạch năm; bằng 22,5% cùng kỳ.
- Doanh thu 3.229.650 triệu đồng. Trong đó: Doanh thu vận tải: 573.870 tr.đ, Doanh thu than: 2.655.780 tr.đ; Bằng 157,54% kế hoạch năm; 66,8% cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế: 50.470 tr.đồng, bằng 252,35 % kế hoạch năm; 110,95% cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế : 41.477 Tr.đồng.

Ban kiểm soát kiến nghị:

Năm 2023, tình hình thế giới có nhiều biến động bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như lạm phát toàn cầu bùng nổ, giá dầu tăng cao và biến động khó lường, ... vì vậy ban kiểm soát khuyến nghị HĐQT, Ban giám đốc lưu tâm bám sát diễn biến của thị trường để có các giải pháp ứng phó kịp thời và phù hợp.

Chỉ đạo điều hành công tác chế biến kinh doanh than đảm bảo quản lý chặt chẽ tài nguyên, giảm chỉ tiêu hao hụt than trong các khâu vận chuyển, chế biến đảo trộn nhằm giảm giá thành than chế biến, tăng lợi nhuận của Công ty.

Khai thác tốt đội tàu biển của Công ty để hạn chế thấp nhất thời gian chờ đợi tại các bến cảng, khai thác tốt hàng hoá vận chuyển cho các phương tiện vận tải của Công ty đặc biệt khai thác nguồn hàng chiều về.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc phải thường xuyên tổ chức đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết đã đề ra đồng thời có những giải pháp chỉ đạo kịp thời làm cơ sở để Giám đốc điều hành thực hiện.

Phần 3

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2022

- Ban kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu, tài liệu và nội dung báo cáo của HĐQT và Ban GD Công ty đã báo cáo. Báo cáo Tài chính năm

2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO - Việt Nam thực hiện.

- Ban kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện Kiểm toán, các chuẩn mực Kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán BDO - Việt Nam cũng như các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Tài chính Công ty áp dụng trong Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định;

- Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày;

- Công tác hạch toán đảm bảo không có sai sót trọng yếu, lập và gửi báo cáo tài chính đúng mẫu biểu đúng quy định. Bộ máy kế toán được thực hiện tập trung, đảm bảo phù hợp với mô hình sản xuất và tổ chức quản lý của Công ty;

- Thực hiện chế độ sổ sách, chứng từ kế toán theo Thông tư 200/2014/BTC. Phản ánh và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Thực hiện tốt các quy định về quản lý tài chính, các khoản doanh thu, chi phí được hạch toán đầy đủ đúng chế độ.

- Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả... theo qui định của Nhà nước. Năm 2022 không có trường hợp nợ xấu mất khả năng thanh toán;

- Chủ động cân đối các nguồn tài chính phục vụ SXKD, thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo qui định.

Tóm lại: Ban kiểm soát Công ty nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán cũng như Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo tài chính của Công ty do đồng chí Giám đốc báo cáo thông qua đại hội. Ban kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá chất lượng báo cáo tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty đã báo cáo, đã được kiểm toán BDO thực hiện là khách quan và trung thực.

Ban kiểm soát Công ty Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Kính thưa Đại hội:

Năm 2022 các thành viên Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, cổ đông Công ty.

Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lợi dụng địa vị, chức vụ và quyền hạn để sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn của Công ty để trục lợi hoặc

phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các thành viên Ban kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Năm 2022, Ban Kiểm soát Công ty không nhận được bất kỳ kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các cổ đông và người lao động về tình hình hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, Ban GD và Các cán bộ quản lý khác trong Công ty

Để Ban kiểm soát hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình ngoài sự cố gắng tích cực của mỗi thành viên Ban kiểm soát, còn có sự ủng hộ, hỗ trợ, động viên của Ban lãnh đạo Công ty, sự cộng tác của các cổ đông và các phòng ban quản lý Công ty.

Ban kiểm soát Công ty xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của các Cổ đông, sự phối hợp của các HĐQT, Ban giám đốc, các phòng ban trong Công ty và hy vọng rằng năm 2023 Ban kiểm soát Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của các quý vị để Ban kiểm soát hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Phòng CNTH (Đăng trên Website);
- Lưu: VT, BKS.



Số: 01 /TTr - VWTC

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC THUÊ ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Kính gửi : Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

Thực hiện Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty Cổ phần vận tải thủy - VINACOMIN đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 28/07/2022 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

Tên đơn vị: Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Icon4, 243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội.

Năng lực: Là đơn vị có đủ điều kiện và năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với các Công ty cổ phần đại chúng đã thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán và thực tế đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty qua nhiều năm.

Ban kiểm soát kính trình đề Đại Hội đồng cổ đông Công ty xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Các CĐ Cty;
- Các TV HĐQT;
- Lưu Ban KS, Văn thư.



Bạch Thị Thu Huyền

Số: 117 /TTr – VWTC

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Thực hiện Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về Kết quả sản xuất kinh doanh 2023, Kế hoạch sản xuất 2023 của Công ty như sau:

I. Kết quả thực hiện SXKD năm 2022:

1. Những khó khăn, thuận lợi:

* Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục được Tập đoàn quan tâm, tạo điều kiện.
- Sự hợp tác và tạo điều kiện của các đơn vị trong TKV và ngoài ngành.
- Tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, đồng lòng chia sẻ khó khăn, gắn bó với Công ty cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

* Khó khăn:

- Đội tàu TKV không phù hợp với nhu cầu của khách hàng mua than, không phù hợp yêu cầu của một số cảng tiếp nhận than.
- Giá cước vận chuyển hàng ngoài than thấp, không có hiệu quả.
- Giá nhiên liệu tăng cao so với Kế hoạch đầu năm.

2. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022:

a. Tổng sản lượng:	4.887.305 tấn.
* Sản lượng vận tải và thuê tàu:	4.021.731 tấn
* Sản lượng kinh doanh than:	865.574 tấn
b. Tổng Doanh thu:	3.253.046 triệu đồng
- Doanh thu vận tải và thuê tàu:	576.899 triệu đồng.
- Doanh thu kinh doanh than + khác:	2.676.147 triệu đồng
c. Giá trị sản xuất:	228.161 triệu đồng
- GTSX vận tải và thuê tàu	157.177 triệu đồng.
- GTSX kinh doanh than:	70.984 triệu đồng
d. Lợi nhuận trước thuế:	50.470 triệu đồng
e. Thu nhập bq:	15.432.000 đ/người/tháng.

(Có biểu tổng hợp các chỉ tiêu kèm theo)

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

1. Tổng sản lượng:	4.041.000 tấn
* Sản lượng vận tải và thuê tàu:	3.491.000 tấn
* Sản lượng kinh doanh than:	550.000 tấn
2. Tổng doanh thu:	2.290.762 triệu đồng
3. Giá trị sản xuất:	206.020 triệu đồng.
4. Lợi nhuận:	20.000 triệu đồng.
5. Thu nhập bình quân:	14.716.000 đ/ng/tháng.

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 ủy quyền cho HĐQT Công ty điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KH-VT, Văn thư.



Phạm Thế Trọng Toàn

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Đơn vị : Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

Hạ Long, ngày 05 tháng 4 năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾ HOẠCH 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	4	6=5/4
I	KHỐI LƯỢNG	Tấn	4.360.000	4.887.305	112,09
1	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	3.530.000	4.021.731	113,93
1.1	Vận tải biển				
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	1.010.000	723.178	71,60
1.2	Thuê tàu vận chuyển than				
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	2.520.000	3.298.553	130,89
2	Khối lượng than kinh doanh	Tấn	830.000	865.574	104,29
	<i>Trong đó : + Than cám 6a.1</i>	Tấn	200.000	215.432	107,72
	+ Than cám 5a.1	"	250.000	258.175	103,27
	+ Than cám 5b1	"	50.000	48.038	96,08
	+ Than tự doanh	"	330.000	343.930	104,22
II	TỔNG THU	Tr. đồng	2.050.000	3.253.046	158,69
1	Vận tải và thuê tàu	Tr. đồng	520.000	576.899	110,94
	a- Doanh thu vận tải thủy	Tr. đồng	158.938	140.595	88,46
	a.1- Vận tải biển	Tr.đồng	155.938	140.595	90,16
	<i>Trong đó : + Tàu biển của Vận tải thủy</i>	Tr.đồng			
	+ Tàu biển thuê TKV	Tr.đồng	155.938	140.595	90,16
	a.2 - Doanh thu khác	Tr.đồng	3.000		
	b- Doanh thu thuê tàu vận chuyển than	Tr.đồng	359.938	431.388	119,85
	* Giá vốn thuê tàu vận chuyển than	Tr.đồng	337.938	416.619	123,28
	c- Doanh thu đại lý tàu biển	Tr.đồng	1.124	1.887	167,88
	* Giá vốn đại lý tàu biển	Tr.đồng	262	74	28,24
	d- Thu nhập HĐTC, Khác	Tr.đồng		3.029	
2	Kinh doanh than	Tr.đồng	1.530.000	2.676.147	174,91
	a. Doanh thu kinh doanh than	Tr.đồng	1.514.000	2.655.780	175,41
*	* Giá vốn kinh doanh than	Tr.đồng	1.464.000	2.584.796	176,56
	b. Thu nhập HĐTC, khác	Tr.đồng	16.000	20.367	127,29
III	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	228.800	228.161	99,72
1	Vận tải và thuê tàu	Tr.đồng	178.800	157.177	87,91
	Vận tải biển	Tr.đồng	155.938	140.595	90,16
	Thuê tàu vận chuyển than	Tr.đồng	22.000	14.769	67,13
	Đại lý tàu biển		862	1.813	210,32
2	Kinh doanh than	Tr.đồng	50.000	70.984	141,97
IV	Giá trị gia tăng (GDP)	Tr.đồng	41.255	41.319	100,16
	- Khấu hao TSCĐ	Tr.đồng	495	483	97,58
	- Tiền lương	"	32.000	26.482	82,76
	- Bảo hiểm XH, Y tế, KPCĐ	"	3.760	2.495	66,36
	- Thuế (trong giá thành)	"		3	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	20.000	50.470	252,35
	<i>Trong đó : + Vận tải và thuê tàu</i>	"	5.000	11.859	237,18
	+ Kinh doanh than	"	15.000	38.611	257,41
5	Lao động, thu nhập, tiền lương				
5.1	Lao động trong danh sách	Người	212	143	67,45
	Lao động bình quân	"	212	143	67,45
	+ Viên chức quản lý	"	3	3	100,00
	+ Người lao động	"	209	140	66,99
5.2	Tiền lương bình quân toàn Công ty	1000đ/ng-thg	12.500	15.432	123,46

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Đơn vị : Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

Hạ Long, ngày 05 tháng 4 năm 2023

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6=5/4
I	KHỐI LƯỢNG	Tấn	4.887.305	4.041.000	82,68
1	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	4.021.731	3.491.000	86,80
1.1	Vận tải biển				
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	723.178	881.000	121,82
1.2	Thuê tàu vận chuyển than				
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn	3.298.553	2.610.000	79,13
2	Khối lượng than kinh doanh	Tấn	865.574	550.000	63,54
	Trong đó : + Than cám 6a.1	Tấn	215.432	150.000	69,63
	+ Than cám 5a.1	"	258.175	200.000	77,47
	+ Than cám 5b1	"	48.038	50.000	104,08
	+ Than tự doanh	"	343.930	150.000	43,61
II	TỔNG THU	Tr. đồng	3.253.046	2.290.762	70,42
1	Vận tải và thuê tàu	Tr. đồng	576.899	583.262	101,10
	a- Doanh thu vận tải thủy	Tr. đồng	140.595	152.002	108,11
	a.1- Vận tải biển	Tr. đồng	140.595	152.002	108,11
	Trong đó : + Tàu biển của Vận tải thủy	Tr. đồng		-	
	+ Tàu biển thuê TKV	Tr. đồng	140.595	152.002	108,11
	a.2 - Doanh thu khác	Tr. đồng			
	b- Doanh thu thuê tàu vận chuyển than	Tr. đồng	431.388	421.930	97,81
	* Giá vốn thuê tàu vận chuyển than	Tr. đồng	416.619	403.550	96,86
	c- Doanh thu đại lý tàu biển	Tr. đồng	1.887	1.830	96,98
	* Giá vốn đại lý tàu biển	Tr. đồng	74	75	101,35
	d- Thu nhập HĐTC, Khác	Tr. đồng	3.029	7.500	247,61
2	Kinh doanh than	Tr. đồng	2.676.147	1.707.500	63,80
	a. Doanh thu kinh doanh than	Tr. đồng	2.655.780	1.700.000	64,01
*	* Giá vốn kinh doanh than	Tr. đồng	2.584.796	1.666.117	64,46
	b. Thu nhập HĐTC, khác	Tr. đồng	20.367	7.500	36,82
III	Giá trị sản xuất	Tr. đồng	228.161	206.020	90,30
1	Vận tải và thuê tàu	Tr. đồng	157.177	172.137	109,52
	Vận tải biển	Tr. đồng	140.595	152.002	108,11
	Thuê tàu vận chuyển than	Tr. đồng	14.769	18.380	124,45
	Đại lý tàu biển		1.813	1.755	96,80
2	Kinh doanh than	Tr. đồng	70.984	33.883	47,73
IV	Giá trị gia tăng (GDP)	Tr. đồng	41.319	48.849	118,22
	- Khấu hao TSCĐ	Tr. đồng	483	2.285	473,08
	- Tiền lương	"	26.482	23.840	90,02
	- Bảo hiểm XH, Y tế, KPCĐ	"	2.495	2.724	109,18
	- Thuế (trong giá thành)	"	3	-	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	50.470	20.000	39,63
	Trong đó : + Vận tải và thuê tàu	"	11.859	3.100	
	+ Kinh doanh than	"	38.611	16.900	
5	Lao động, thu nhập, tiền lương				
5.1	Lao động trong danh sách	Người	143	135	94,41
	Lao động bình quân	"	143	135	94,41
	+ Viên chức quản lý	"	3	3	100,00
	+ Người lao động	"	140	132	94,29
5.2	Tiền lương bình quân toàn Công ty	1000đ/ng-thg	15.432	14.716	95,36

Số: 11 /TTr – VWTC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/8/2022.

Thực hiện Hợp đồng thuê trụ sở số 01.11.2022/HĐTĐN ngày 01/11/2022 giữa Công ty CP Vận tải thủy – Vinacomin và ông Trịnh Trung Úy; bà Nguyễn Thị Nga tại ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thay đổi trụ sở làm việc như sau:

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.

a. Tại khoản 5. Trụ sở Công ty:

Địa chỉ: Số 108 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3518.069

Fax: 0203.3518059

Email: vantaithuytkv@vnn.vn

Website: vantaithuytkv.vn

Nay được sửa lại tại Khoản 5. Trụ sở mới Công ty:

Địa chỉ: Ô số 16 lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3518.069

Fax: 0203.3518059

Email: vantaithuytkv@vnn.vn

Website: vantaithuytkv.vn

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn thư.



Phạm Thế Trọng Toàn

Số: *MB* /TTr – VWTC

Quảng Ninh, ngày *02* tháng *4* năm 2023

TỜ TRÌNH

Thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/7/2022.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị Công ty như sau:

1. Ngày 06/10/2022, ông Vũ Văn Tâm - Ủy viên HĐQT công ty có đơn xin từ nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ IV (2019-2024) kể từ ngày 01/11/2022.

2. Hội đồng quản trị thông báo các cổ đông Công ty ứng cử chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2019-2024) theo Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét và bổ sung ủy viên mới vào Hội đồng quản trị công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn thư.



Số: 112 /TB - VWTC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc ứng cử, đề cử thành viên tham gia
Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2019-2024)

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN đã được các cổ đông thông qua ngày 28/7/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 27/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ đơn của ông Vũ Văn Tâm - Ủy viên HĐQT ngày 06/10/2022 về việc xin từ nhiệm chức danh Ủy viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2019-2024) kể từ ngày 01/11/2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN thông báo tới các Quý vị cổ đông ứng cử, đề cử thành viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2019-2024) như sau:

Tiêu chuẩn đề cử, ứng cử thành viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty.

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên tham gia Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Lưu ý: Công ty có vốn điều lệ là 100 tỷ VNĐ; do vậy 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương đương mệnh giá 1 tỷ đồng.

Quý cổ đông sau khi nhận được thông báo này, nếu cổ đông có đủ điều kiện và tiêu chuẩn tham gia Hội đồng quản trị đề nghị xác nhận ứng cử, đề cử trước 15h00 ngày 20/4/2023 tại Văn phòng Công ty CP Vận tải thủy – VINACOMIN ô số 16, lô B 17 khu đô thị cột 5, cột 8 phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (ĐT: 0203.3518 069; Fax: 0203.3518 059).

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các Ủy viên HĐQT, BKS Công ty;
- Ủy Ban CKNN, Sở giao dịch CKHN;
- Lưu HĐQT Cty, Vthư.



Phạm Thế Trọng Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 06 tháng 10 năm 2022

ĐƠN XIN NGHỈ VIỆC

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin

Tên tôi là: Vũ Văn Tâm

Sinh ngày : 08/4/1962.

Chứng minh nhân dân số: 100047028 Cấp ngày: 03/02/2015 tại Công an tỉnh Quảng Ninh.

Nơi ở hiện tại: Khu Phúc Lộc dân cư số 7 phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Công tác tại: Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin

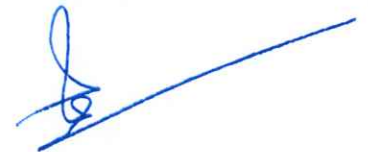
Chức vụ: Giám đốc.

Tôi xin trình bày với Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty như sau:

Tôi được Đại hội đồng cổ đông Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin bầu chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty và kiêm chức danh Giám đốc Công ty kể từ ngày 16/4/2009. Trong quá trình làm việc tôi luôn cố gắng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nay đến tuổi nghỉ chế độ hưu trí. Tôi làm đơn này đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty xem xét, giải quyết cho Tôi xin từ nhiệm chức danh Ủy viên Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin kể từ ngày 01/11/2022.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Vũ Văn Tâm

CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY- VINACOMIN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: <u>108</u> /TTr - VWTC	<i>Quảng Ninh, ngày <u>02</u> tháng <u>4</u> năm 2023</i>

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty được quy định trong Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO với những nội dung chính như sau:


• **TÀI SẢN:**

1. Tài sản ngắn hạn:	45.999.399.342
- Tiền và các khoản tương đương Tiền	3.017.864.435
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	
- Các khoản phải thu	30.048.890.187
- Hàng tồn kho	12.058.576.052
- Tài sản ngắn hạn khác	874.068.668
2. Tài sản dài hạn:	214.522.183.722
- Các khoản phải thu dài hạn	190.017.000.000
- Tài sản cố định:	1.418.698.245
+ Tài sản cố định hữu hình	1.418.698.245
+ Tài sản cố định thuê tài chính	
+ Tài sản cố định vô hình	
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	
- Bất động sản đầu tư	
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	
+ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	
+ Đầu tư dài hạn khác	
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	
- Tài sản dài hạn khác	23.086.485.477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN:	260.521.583.064
B. NGUỒN VỐN	
1, Nợ phải trả:	34.200.615.348
- Nợ ngắn hạn	34.200.615.348

LB

- Nợ dài hạn	
2. Vốn chủ sở hữu:	226.320.967.716
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	734.747.581
- Quỹ đầu tư phát triển	84.109.046.584
- Quỹ Dự phòng tài chính	
- Lợi nhuận chưa phân phối	41.477.173.551
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	
C. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.229.650.018.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	
3. Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và dịch vụ	3.229.650.018.983
4. Giá vốn hàng bán	3.128.234.162.491
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	101.415.856.492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.848.492.429
7. Chi phí hoạt động tài chính	7.491.679.039
8. Chi phí bán hàng	47.550.985.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.186.912.342
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	48.034.772.150
11. Thu nhập khác	3.548.099.554
12. Chi phí khác	1.112.646.627
13. Lợi nhuận khác	2.435.452.927
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50.470.225.077
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.993.051.526
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	41.477.173.551
D. CÒN PHẢI THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH	
1. Thuế	13.156.668.711
Thuế GTGT bán Hàng nội địa	4.628.678.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.527.990.657
Các khoản Thuế khác	
2. Các khoản phải nộp khác	
TỔNG CỘNG	
E. LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHỤ CẤP HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC	2.365.775.200

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua./.

<p>Nơi nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông của Cty; - Các thành viên HĐQT, BKS Cty; - Lưu thư ký HĐQT, Văn thư. 	<p style="text-align: center;">TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ỦY VIÊN</p>  <p style="text-align: center;">Phạm Thế Trọng Toàn</p>
--	---

Số: 121 /TTr - VWTC

Hạ Long, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Thực hiện Điều lệ Công ty về việc phân phối kết quả kinh doanh hàng năm. Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2022, Giám đốc Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty cổ phần vận tải thủy – VINACOMIN như sau :

- Tổng doanh thu năm 2022 :	3.229.650.018.983 đồng
- Tổng chi phí năm 2022:	3.179.179.793.906 đồng
- Lợi nhuận trước thuế năm 2022:	50.470.225.077 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022:	41.477.173.551 đồng
- Tổng vốn góp đến ngày 31/12/2022 :	100.000.000.000 đồng

Công ty dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế còn lại đến 31/12/2022 như sau:

1. Trích lập Quỹ Phúc lợi (2% Tổng LNST)	= 829.543.471 đồng
2. Trích lập quỹ Khen thưởng (1% Tổng LNST)	= 414.771.735 đồng
3. Trích lập quỹ thưởng HĐQT, VCQL(0,5% LNST)	= 207.385.868 đồng
4. Trích Quỹ đầu tư phát triển	= 25.025.472.477 đồng
5. <u>Chia cổ tức (15% Vốn điều lệ)</u>	<u>= 15.000.000.000 đồng</u>
Tổng cộng	= 41.477.173.551 đồng

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét phê chuẩn /.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Cty;
- Các thành viên HĐQT, BKS Cty;
- Lưu thư ký HĐQT, Văn thư.



Phạm Thế Trọng Toàn

Số: 110 /TTr-VWTC

Hạ Long, ngày 02 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2022 và phương án trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN

Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN trình Đại hội đồng cổ đông công ty phê duyệt một số nội dung cụ thể như sau:

1. Quyết toán thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2022:

Căn cứ quy định của Nhà nước và Điều lệ công ty; trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty, Thù lao thực trả đối với thành viên HĐQT, BKS công ty năm 2022 được thanh toán như sau:

Chức danh	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)	Ghi chú
1. Chủ tịch HĐQT công ty	51.600.000	51.600.000	
2. Ủy viên HĐQT công ty	179.520.000	172.040.000	
3. Trưởng ban kiểm soát	0	18.700.000	
4. Ủy viên BKS công ty	72.000.000	66.000.000	
Cộng	303.120.000	308.340.000	

Ghi chú:

- Ủy viên HĐQT công ty: Ông Vũ Văn Tâm xin nghỉ thôi không tham gia HĐQT từ tháng 11/2022 nên giá trị thực hiện năm giảm hơn kế hoạch năm.

- Trưởng ban kiểm soát: Do thay đổi thành viên BKS công ty (Bà Phạm Thị Thu Hà – TB Kiểm soát công ty xin nghỉ thôi không tham gia BKS và bầu Bà Bạch Thị Thu Huyền làm TB Kiểm soát kiêm nhiệm từ tháng 7/2022) nên giá trị thực hiện năm có sự thay đổi so với kế hoạch được duyệt.

2. Kế hoạch trả thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2023:

Chức danh	Số người	Mức tiền lương áp dụng	Tiền thù lao được hưởng (20%) (đ/ng.tháng)	Tổng tiền thù lao tháng (đồng)
1. Chủ tịch HĐQT Công ty	1	24.500.000	4.900.000	4.900.000
2. Ủy viên HĐQT Công ty	4	21.700.000	4.340.000	17.360.000
3. Trưởng ban kiểm soát công ty	1	21.700.000	4.340.000	4.340.000
4. Kiểm soát viên công ty	2	18.000.000	3.600.000	7.200.000
Cộng 01 tháng				33.800.000
Cộng cả năm				405.600.000

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, phê duyệt và giao cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai, thực hiện./.

- Nơi nhận:**
- Như kính gửi;
 - Lưu: Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
UỶ VIÊN**



Phạm Thế Trọng Toàn

Số: 109 /TTr- VWTC

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc Thông qua Hợp đồng mua bán, dịch vụ, vận chuyển, vay, cho vay
năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải thủy – vinacomin.

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-VWTC ngày 18/3/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Ban hành Quy chế tài chính trong Công ty Cổ phần Vận tải thủy - VINACOMIN;

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Thông qua các Hợp đồng năm 2023 của Công ty Cổ phần Vận tải thủy – VINACOMIN với các bên liên quan. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng vận chuyển than số 05-01 /2023/HĐVC/VTT-VT ngày 02/1/2023 của Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận . Mã số thuế 5700562451

- Hợp đồng vận chuyển số 01/HĐVC/TB/2023/VTT-VT ngày 28/02/2023, hợp đồng số 20.03/2023 /HĐVC/VTT-VT ngày 20/3/2023, hợp đồng số 19-01/2023/HĐVC/VT-VTT ngày 28/02/2023, hợp đồng số 28.02 /HĐVC-NMND/2023/VT-VTT ngày 28/02/2023 của Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận . Mã số thuế 5700562451

- Hợp đồng vận chuyển số 02/HĐVC/TB/2023/VTT-PT ngày 28/02/2023 và hợp đồng số 02012023/ HĐKT/ PT-VTT ngày 02/01/2023 của Công ty với Công ty TNHH Vận tải biển Phương Trang . Mã số thuế 5701883401.

- Phụ lục 07.16/HĐVC/2021 ký ngày 31/12/2022 giữa Công ty với Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận . Mã số thuế 5700562451

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Cty;
- Các thành viên HĐQT, BKS Cty;
- Lưu thư ký HĐQT, Văn thư.



Phạm Thế Trọng Toàn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN NĂM 2023
GIỮA CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN
VÀ CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN
Số: 05-01/2023/HĐVC/VTT-VT

Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015;
Căn cứ Luật Thương mại năm 2005;
Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Bộ Luật Hàng hải năm 2015;
Căn cứ nhu cầu và năng lực vận chuyển của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2023, tại Tp Uông Bí, chúng tôi gồm:

1. BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN (Bên A): CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

- Địa chỉ : Số 108 Lê Thánh Tông, TP. Hạ Long, Quảng Ninh
- Điện thoại : 02033 518069/820567 Fax: 02033 3518059/322
- Tài khoản : 8689 8888 001 tại NH TMCP Tiên Phong - CN Quảng Ninh
- MST : 5700647458
- Do bà : **Trần Thị Thu Hiền** Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số:01/UQ-VWTC ngày 02/01/2023 do ông Phạm Thế Trọng Toàn, chức vụ: Giám đốc ký)

2. BÊN VẬN CHUYỂN (Bên B): CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN

- Địa chỉ : Số 412, Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, TP. Uông Bí, Quảng Ninh
- Điện thoại : 0203.2222689 Fax : 0203.6519888
- Tài khoản số: 115000171992 tại NH Vietinbank - KCN Hải Dương
1971 6669 666 tại NH TMCP Tiên Phong-CN Hải Phòng
- MST : 5700562451
- Do ông : **Trịnh Trung Úy** Chức vụ : **Giám đốc làm đại diện**

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng vận chuyển năm 2023 với các điều khoản cụ thể dưới đây:

Điều 1. Tên hàng, tuyến và đơn giá vận chuyển:

- 1.1. Tên hàng: Than các loại và sản phẩm ngoài than (Gọi tắt là SPNT)
- 1.2. Khối lượng vận chuyển: Theo yêu cầu thực tế của bên A
- 1.3. Thời gian vận chuyển từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023 và hoặc hoàn thành chuyển cuối cùng của năm 2023 theo điều kiện thực tế.
- 1.4. Tuyến và đơn giá vận chuyển: Có phụ biểu kèm theo hợp đồng này.

Điều 2. Phương tiện vận chuyển

- 2.1. Phương tiện vận chuyển than là Sà lan boong nổi, tàu tự hành và/hoặc phương tiện có đủ điều kiện vận chuyển theo luật định, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước và cân, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến.



2.2. Tên phương tiện và thông số kỹ thuật của phương tiện sẽ được bên B thông báo trước 02 ngày cho bên A khi phương tiện đến cảng nhận hàng.

Điều 3: Phương thức giao nhận :

3.1. Phương thức giao nhận:

3.1.1. Tại khu vực đầu nguồn:

- Giao nhận qua cân tại khu vực đầu nguồn có lắp đặt cân.
- Giao nhận theo mức nước của phương tiện thủy tại Khu vực đầu nguồn chưa có cân hoặc lắp đặt cân nhưng bị sự cố đột suất không thực hiện được giao nhận qua cân và phương tiện phải đủ điều kiện giao nhận bằng phương pháp đo mức nước.

3.1.2 Tại Khu vực cuối nguồn:

- Giao nhận qua cân tại khu vực cuối nguồn có lắp đặt cân.
- Giao nhận theo mức nước tại khu vực cuối nguồn không thực hiện được giao nhận qua cân và phương tiện đủ điều kiện để giao nhận bằng phương pháp đo mức nước.
- Nếu tại khu vực cuối nguồn chưa có cân và đối với các phương tiện không đủ điều kiện giao nhận theo mức nước, được phép giao nhận phương thức đo khối lượng nhận (x) trọng lượng riêng của than. Trọng lượng riêng của than được xác định dựa vào khảo sát và thống nhất của đơn vị nhận than và đơn vị vận chuyển làm cơ sở xác định khối lượng than giao nhận cho từng chuyến hàng.

Trường hợp bên thuê vận chuyển chấp nhận khối lượng than ghi trong giấy chứng thư giám định cho Công ty CP giám định – Vinacomin cấp kèm theo lô hàng, thì không phải cân, trong trường hợp này bên thuê vận chuyển tổ chức dỡ hàng ngay và không có quyền khiếu nại về khối lượng lô hàng.

3.2. Giao nhận về chất lượng:

- Tại khu vực đầu nguồn: Tất cả các lô hàng trước khi rời địa điểm giao nhận đều phải có được lấy mẫu giám định chất lượng và được Công ty CP Giám định – Vinacomin cấp Giấy chứng nhận giám định chất lượng kèm theo. Việc lấy mẫu, phân tích mẫu, lưu mẫu được thực hiện theo TCVN hiện hành. Các bên tham gia lấy mẫu gồm : bên A, bên B và Công ty Giám định – Vinacomin.

- Tại khu vực cuối nguồn: Trước khi dỡ hàng, đại diện bên A, bên B và thuyền trưởng tiến hành lấy mẫu, phân tích mẫu để xác định chất lượng lô hàng theo quy định đối chiếu chất lượng ở đầu nguồn. Trường hợp bên nhận chấp nhận các chỉ tiêu chất lượng than ghi trong giấy chứng nhận giám định chất lượng cho Công ty CP giám định – Vinacomin cấp kèm theo lô hàng, thì không phải lấy mẫu lại, trong trường hợp này bên nhận tổ chức dỡ hàng ngay và không có quyền khiếu nại về chất lượng lô hàng.

3.3 Hao hụt:

- Tỷ lệ hao hụt đối với than nhập khẩu chuyển tải từ tàu biển khu vực Cẩm Phả về khu vực Thủy Nguyên, Hải Phòng: Tối đa 0.15%

- Tỷ lệ hao hụt đối với vận chuyển than cục: Tối đa là 0%

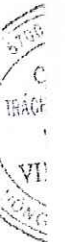
- Tỷ lệ hao hụt đối với các loại than khác: Tối đa 0.5% nếu giao nhận tại khu vực cuối nguồn theo mức nước và tối đa 1,2% nếu giao nhận qua cân và giao nhận bằng phương thức đo khối lượng với trọng lượng riêng của than tại khu vực cuối nguồn (cảng dỡ).

- Tỷ lệ hao hụt trong quá trình vận chuyển được tính bình quân cho những phương tiện thủy đã làm biên bản cuối nguồn trong tháng. Nếu vượt quá tỷ lệ hao hụt tối đa nêu trên phải bồi thường theo giá bán than tại khu vực cuối nguồn được Vinacomin công bố ở thời điểm xảy ra tổn thất và hoặc bù trừ vào tiền cước vận chuyển.

3.4. Độ ẩm giao nhận:

Là độ ẩm thực tế nhưng không vượt quá độ ẩm tối đa theo TCVN và/hoặc TCCS hiện hành.

3.5. Quy trình vận chuyển:



Các phương tiện vận chuyển trước khi rời Khu vực đầu nguồn phải có đủ các loại giấy tờ bao gồm:

- Giấy vận chuyển hoặc vận tải đơn (nếu có)
- Chứng thư Giám định chất lượng, khối lượng than do đơn vị giám định cấp;
- Hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa;
- Biên bản niêm phong, kẹp chì hầm hàng
- Các chứng từ hàng hóa khác do bên A cung cấp (nếu có).

Điều 4: Năng suất xếp/dỡ :

Năng suất xếp, dỡ hàng tại các cảng một ngày (ngày bằng 24 giờ) trong điều kiện thời tiết bình thường như sau:

- 4.1. Tại cảng xếp hàng: Theo tập quán của cảng (CQD)
- 4.2. Tại cảng dỡ hàng: Theo tập quán của cảng (CQD)

Điều 5: Thưởng/Phạt :

5.1. Thưởng: không thưởng

5.2. Phạt vi phạm hợp đồng:

5.2.1. Nếu Bên B giao hàng chậm so với thời gian tàu dự kiến đến cảng dỡ để giao hàng theo Điều 6 (trừ lý do bất khả kháng) phải chịu phạt 0,3% giá trị lô hàng cho mỗi ngày chậm giao hàng, nhưng toàn bộ số tiền phạt do giao hàng chậm không quá 8% giá trị lô hàng theo giá CIF mà Bên A bán cho từng khách hàng của mình.

5.2.2. Nếu Bên B không bố trí đủ phương tiện vận chuyển theo kế hoạch tác nghiệp đã thống nhất hàng tháng làm ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán than mà Bên A đã ký với khách hàng của mình thì ngoài việc bị phạt vi phạm hợp đồng, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải chịu bất cứ một trách nhiệm nào.

Điều 6: Thời gian vận chuyển

6.1. Hàng tháng, Bên A thông báo kế hoạch vận chuyển trong tháng cho bên B. Trước thời gian xếp hàng 03 ngày, bên A thông báo đề nghị cấp phương tiện gửi bên B bằng văn bản và/ hoặc điện thoại.

6.2 Trường hợp thay đổi thời gian xếp/dỡ hàng: trong thời gian không dưới 03 ngày trước khi thời hạn xếp/dỡ hàng, Bên A gửi thông báo đề nghị thay đổi ngày xếp/dỡ hàng chậm lại hoặc nhanh hơn để bên B có thời gian bố trí phương tiện phù hợp.

Điều 7: Khối lượng tính cước và thanh toán

Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi giá hai bên sẽ thương thảo và ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh bổ sung để thực hiện.

7.1. Khối lượng tính cước: là khối lượng than thực tế giao nhận tại cảng xếp hàng theo Giấy chứng nhận kết quả giám định chất lượng, khối lượng than của Công ty Giám định cấp trừ (-) khối lượng hao hụt vượt quá tỷ lệ được quy định tại khoản 3.3, điều 3 (nếu có).

7.2. Phương thức và thời hạn thanh toán:

7.2.1. Chứng từ thanh toán gồm:

- + Hoá đơn (GTGT) cước vận tải ghi cho Công ty CP Vận tải thủy - Vinacomim
- + Biên bản đối chiếu thanh toán hàng tháng giữa hai bên

7.2.2. Phương thức thanh toán: Hàng tháng vào ngày cuối tháng hai bên sẽ lập biên bản quyết toán cước phí vận tải của tháng đó. Căn cứ biên bản quyết toán này bên A sẽ thanh toán tiền vận tải cho bên B bằng hình thức chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ (nếu có)

7.2.3. Thời hạn thanh toán: Sau khi hai bên làm đối chiếu quyết toán, xác nhận khối lượng, bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A và bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 90 ngày ngay sau khi có hoá đơn GTGT và các chứng từ kèm theo.

Điều 8: Trách nhiệm mỗi bên

8.1. Trách nhiệm của Bên A:

8.1.1. Thông báo cho Bên B yêu cầu vận chuyển trước 03 ngày mỗi chuyến.

8.1.2. Đảm bảo tiến độ xếp/dỡ hàng hoá an toàn, nhanh chóng như đúng thoả thuận.

8.1.3. Đảm bảo tính chất pháp lý của hàng hoá vận chuyển. Cấp toàn bộ chứng từ hoá đơn của lô hàng xếp xuống tàu để bên B làm vận tải đơn và mang theo tàu trong suốt quá trình vận chuyển.

8.1.4. Thanh toán cước phí và các chi phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định trong hợp đồng.

8.2. Trách nhiệm của Bên B:

8.2.1. Bố trí đủ phương tiện có đủ điều kiện vận chuyển than theo luật định, đảm bảo vận chuyển đủ khối lượng hàng hoá an toàn theo yêu cầu của Bên A.

8.2.2. Không quá 02 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu vận chuyển của Bên A, Bên B thông báo cho Bên A lịch tàu (laycan) nhận hàng tại cảng xếp.

8.2.3. Cử cán bộ có trách nhiệm nhận khối lượng, chất lượng hàng hóa tại đầu nguồn (có danh sách cán bộ kèm theo), giám sát vận chuyển và giao nhận hàng hóa đến cuối nguồn, bảo quản hàng hóa kể từ khi hàng đã xếp xuống tàu cho đến lúc hàng được dỡ khỏi tàu, không gây tổn thất hoặc thay đổi chất lượng hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển. Trường hợp Bên B không trả hàng tại cảng dỡ theo quy định, làm thay đổi chất lượng hoặc gây tổn thất thì Bên B phải bồi thường 100% giá trị hàng hóa theo giá thị trường tại cảng dỡ hàng. (Trong trường hợp Bên B không bố trí được cán bộ nhận than tại đầu nguồn thì Bên B có thể ủy quyền cho cán bộ của Bên A nhận thay)

8.2.4. Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hóa bị tổn thất (mà không phải lý do bất khả kháng như đã ghi tại Điều 9), như thiếu hàng, chất lượng than bị thay đổi (giảm phẩm cấp than) và/hoặc độ ẩm của than tăng thêm do lỗi của người vận tải thì bên vận tải (Bên B) chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị khối lượng than tổn thất hoặc hao hụt vượt quá tỷ lệ quy định theo mức giá bên A bán cho khách hàng tại cảng dỡ hàng.

Khi có tổn thất than vì bất kỳ lý do nào, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản trong vòng 48 giờ kể từ khi tổn thất xảy ra và phải cùng Bên A xác định rõ nguyên nhân gây ra tổn thất, đồng thời phải cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết có liên quan đến tổn thất cho Bên A.

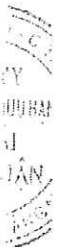
8.2.5. Đảm bảo vận chuyển và giao hàng đúng thời gian của từng chuyến hàng đã thống nhất với Bên A. Nếu Bên B không thực hiện vận chuyển hàng hóa đúng theo thời gian mà hai bên đã thống nhất thì Bên B phải chịu phạt theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

8.2.6. Đảm bảo phương tiện và thuyền viên đủ điều kiện, giấy tờ hợp pháp khi vận chuyển hàng hóa.

8.2.7. Phát hành vận tải đơn (Bill of Lading) hoặc Giấy vận chuyển khi hoàn thành việc xếp hàng và Fax ngay cho bên A để bên A làm thủ tục mua bảo hiểm cho lô hàng hóa đã xếp lên phương tiện.

8.2.8- Chỉ cho phương tiện rời cảng xếp hàng khi có đầy đủ các chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT của hàng hoá;
- Giấy vận chuyển hoặc vận tải đơn (nếu có);
- Giấy chứng nhận kết quả giám định chất lượng, khối lượng than của cơ quan giám định cấp kèm theo lô hàng;
- Biên bản niêm phong, kẹp chì hầm hàng.



8.2.9- Có trách nhiệm giao trả lại cho bên A bộ chứng từ đầu nguồn của lô hàng sau 5 ngày kể từ khi hoàn thành xong việc dỡ hàng. Nếu để xảy ra mất chứng từ, bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

8.2.10- Thông báo kịp thời cho Bên A những vướng mắc, sự cố trong quá trình vận chuyển và giao nhận để hai bên kịp thời phối hợp giải quyết.

Điều 9: Bất khả kháng

9.1. Không bên nào phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia khi không thể hoàn thành toàn bộ hay một phần trách nhiệm của mình, hay bị ngăn cản hay hoặc trì hoãn trong việc thực hiện nghĩa vụ vì lý do thiên tai, chiến tranh, xâm lăng, bế quan toả cảng bởi lực lượng thù địch, nổi loạn, tình trạng lũ lụt, bão táp, núi lửa, động đất, đình công, lãn công tại nhà máy, cảng mà không tiên liệu được vì ngoài tầm kiểm soát của mình.

9.2. Khi trường hợp bất khả kháng xảy ra, bên gặp bất khả kháng sẽ phải thông báo cho bên kia bằng văn bản (Fax, telex) trong vòng 02 ngày.

9.3. Bên gặp bất khả kháng sẽ phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm hợp đồng của mình khi tình trạng bất khả kháng kết thúc.

9.4. Nếu trường hợp bất khả kháng tiếp diễn quá 20 ngày, mỗi bên có thể tùy theo mình lựa chọn có tiếp tục thực hiện hợp đồng nữa hay không. Trong trường hợp này, bên kia sẽ không có quyền khiếu nại đòi bồi thường.

9.5. Bên gặp bất khả kháng sẽ phải bồi thường thiệt hại cho bên kia nếu không thông báo cho bên kia theo quy định tại Điều 8.

Điều 10: Cam kết và thực hiện hợp đồng

10.1- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng này.

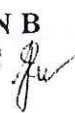

10.2- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp để giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng quyền lợi của mỗi bên.

10.3- Mọi sửa đổi hoặc bổ sung phải được hai bên bàn bạc, thoả thuận và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng để thực hiện.

10.4- Khi có tranh chấp xảy ra, mà hai bên không thương lượng và tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

10.5- Hợp đồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023. Sau khi thanh toán xong, nếu hai bên không có gì tranh chấp, sau 15 ngày hợp đồng xem như đã được thanh lý.

10.6. Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị như nhau, bên A giữ 03 (ba) bản, bên B giữ 03 (ba) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC


Trịnh Trung Ủy

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC


Trần Thị Thu Hiền

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN THAN NĂM 2023

Số: 01/HĐVC/TB/2023/VTT-VT

- Căn cứ Luật dân sự năm 2015, Luật Thương mại 2005, Bộ Luật Hàng Hải Việt Nam năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi tương ứng hiện hành.
- Căn cứ nhu cầu và năng lực vận chuyển của hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Thành phố Hạ Long, chúng tôi gồm

Bên thuê vận chuyển: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY-VINACOMIN
(gọi tắt là **Bên A**)

Địa chỉ: Số 108 Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3820567 Fax: 0203 3518 322/059

Tài khoản: 8689.8888.001

Tại: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Quảng Ninh

Mã số thuế: 5 7 0 0 6 4 7 4 5 8

Do ông: **Phạm Thế Trọng Toàn** – Chức vụ: **Giám đốc là đại diện**

Bên nhân vận chuyển: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN
(gọi tắt là **Bên B**)

Trụ sở tại: số 412 Đường Quang Trung, P. Quang Trung, Tp Uông Bí, Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3854481 Fax: 0203 3562898

Tài khoản: 115000171992 tại Vietinbank – KCN Hải Dương

Tài khoản: 0118100239666999 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Hải Phòng

Mã số thuế: 5 7 0 0 5 6 2 4 5 1

Do ông: **Trịnh Trung Uý** - Chức vụ: **Giám đốc là đại diện**

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng vận chuyển năm 2023 với các điều khoản sau:

Điều 1. Tên hàng, khối lượng, tuyến vận chuyển và đơn giá vận chuyển

1.1- Tên hàng: than cám các loại.

1.2- Khối lượng (dự kiến): 2.200.000 tấn ($\pm 20\%$)

Căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế hợp lý và nhu cầu của khách hàng mua than, hàng tháng hai bên sẽ thống nhất khối lượng vận chuyển cho phù hợp.

1.3- Tuyến vận chuyển và đơn giá: như phụ biểu kèm theo.

1.4- Cước vận chuyển sẽ được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh giá cước của TKV theo sự biến động của giá nhiên liệu và/hoặc theo sự thỏa thuận bằng các phụ lục hợp đồng bổ sung được hai bên ký.

Điều 2. Phương tiện vận chuyển

2.1. Phương tiện vận chuyển.

+ Đối với tuyến vận chuyển đi NB Vũng Áng 1: Tàu biển và/hoặc tàu SB có trọng tải tối thiểu 20.000 DWT, tối đa 30.000 DWT, có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp

giám định món nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Để phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng và thiết bị dỡ hàng tại cảng dỡ của NMNĐ ưu tiên những phương tiện vận chuyển có tải trọng từ 20.000 DWT đến 30.000 DWT, ít khoang hàng (dưới 04 hầm hàng), khoang hàng không lộ xương, đóng/mở hầm hàng tự động, đáp ứng được điều kiện dỡ hàng của NMNĐ Vũng Áng 1.

+ Đối với tuyến vận chuyển đi NĐ Vĩnh Tân 1+2: Tàu biển/tàu SB có trọng tải ≥ 20.000 đến 30.000 tấn DWT và tàu biển có trọng tải > 30.000 tấn DWT tối đa 50.000 DWT có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định món nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến.

+ Tuổi phương tiện vận chuyển: ưu tiên những phương tiện không quá 25 tuổi.

2.2- Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện hoạt động theo luật định, đủ khả năng chuyên chở hàng hóa, phù hợp với loại hàng hóa được vận chuyển và hoạt động đúng phạm vi đăng kiểm, đủ điều kiện xác định khối lượng bằng phương pháp giám định món nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Đảm bảo đủ các phương tiện vận tải đường thủy đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và an toàn trong thời gian thực hiện hợp đồng, phải được trang bị bạt che hàng, đảm bảo an toàn hàng hoá trong quá trình vận chuyển.

2.3- Phương tiện vận chuyển phải tham gia bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu và Đơn bảo hiểm này có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển. Hàng hóa chỉ được xếp lên phương tiện vận chuyển khi có sự xác nhận từ công ty bảo hiểm.

2.4- Bên vận chuyển phải gửi danh sách các phương tiện vận chuyển cùng với các giấy tờ liên quan có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển cho Bên A để cung cấp cho các đơn vị bảo hiểm xác nhận đủ điều kiện tham gia bảo hiểm trước khi giao than lên phương tiện vận chuyển. Bên vận chuyển phải đảm bảo các chứng từ của phương tiện vận chuyển là thật và các chứng từ này phải có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển hàng hóa được bảo hiểm; bao gồm nhưng không giới hạn các chứng từ sau:

- a. Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện;
- b. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu (bao gồm bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hàng hóa);
- c. Giấy đăng kiểm của phương tiện, cụ thể:
 - Đối với Tàu biển là Giấy chứng nhận phân cấp tàu,
 - Đối với tàu SB là Giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

2.5- Trong trường hợp đơn vị bảo hiểm từ chối bồi thường tổn thất nguyên nhân do phương tiện vận tải thiếu các giấy tờ hợp lệ/giấy tờ hết hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển/giấy tờ giả mạo, đơn vị vận chuyển phải bồi thường cho toàn bộ tổn thất (nếu có)

2.6. Phương tiện vận chuyển cho từng lô hàng sẽ được quy định cụ thể trong các phụ lục hợp đồng vận chuyển kèm theo hợp đồng này.

Điều 3. Phương pháp xác định khối lượng, độ ẩm giao nhận và tỷ lệ hao hụt

3.1- Phương pháp xác định khối lượng: Giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định món nước hoặc bằng cân (căn cứ vào phương pháp xác định khối lượng giữa TKV và khách hàng mua than).

3.2- Độ ẩm giao nhận: là độ ẩm thực tế tại cảng xếp hàng.

Độ ẩm của than giao nhận tại cảng dỡ hàng không vượt quá độ ẩm của than tại cảng xếp hàng (ngoại trừ bất khả kháng).

3.3- Tỷ lệ hao hụt (mức trần) trong quá trình giao nhận, vận chuyển: như Phụ biểu kèm theo.

Hao hụt được tính như sau: khối lượng hao hụt bằng khối lượng rớt hàng tại đầu nguồn tương ứng với độ ẩm thực tế tại cảng rớt (theo giấy chứng nhận giám định khối lượng, chất lượng than của TKV) trừ khối lượng giao nhận cuối nguồn được quy về độ ẩm tại đầu nguồn. Cách tính quy đổi theo các TCVN hiện hành.

Điều 4. Năng suất xếp và dỡ hàng

Thời gian xếp/dỡ hàng/thường, phạt dôi nhật:

- Tại cảng xếp hàng: CQD (không thưởng, không phạt, tốc độ xếp, dỡ hàng theo tập quán phổ biến của cảng).
- Tại cảng dỡ hàng: theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên Mua hàng.

Điều 5. Thời gian làm hàng và vận chuyển

5.1- Khi tàu đến vị trí neo chờ vào cầu (khu vực qui định của cảng) đại diện phương tiện trao thông báo sẵn sàng làm hàng (N.O.R) để xếp/dỡ hàng trong giờ làm việc buổi sáng (từ 08:00 đến 12:00 giờ), buổi chiều (từ 13:00 đến 17:00 giờ) vào các ngày làm việc trong tuần (từ thứ Hai đến thứ Bảy trừ chủ nhật, ngày lễ, tết), thời gian làm hàng được tính như sau:

+ Tại cảng xếp: Nếu N.O.R trao vào buổi sáng trước 12:00 giờ, thời gian làm hàng sẽ được tính từ 13:00 giờ cùng ngày, trường hợp N.O.R trao sau 12:00 giờ thì thời gian làm hàng sẽ được tính vào 08:00 giờ sáng ngày hôm sau.

Do phải làm mẫu chất lượng hàng tại cảng xếp, nên thời gian xếp hàng được cộng thêm tối đa là 12 giờ để tính thời gian làm hàng tại cảng xếp. Nếu thời gian làm mẫu dưới 12 giờ thì tính theo số giờ thực tế.

+ Tại cảng dỡ: Sau khi tàu cập cảng, đại diện của TKV, khách hàng cùng với đại diện phương tiện kiểm tra kẹp chì và mở hầm hàng tiến hành lấy mẫu, giám định khối lượng, giám định chất lượng, (thời gian này không quá 24 giờ kể từ khi tàu cập cảng, không tính thời gian làm hàng) và sau đó tiến hành dỡ hàng.

5.2- Thay đổi thời gian xếp hàng: Trường hợp cần thay đổi thời gian xếp hàng, trong thời gian không dưới 07 ngày trước thời hạn xếp hàng (đã có laycan) trước đó, Bên A gửi thông báo đề nghị sửa đổi ngày xếp hàng chậm lại/hoặc nhanh hơn để Bên B có thời gian điều chỉnh lịch tàu cho phù hợp.

Điều 6. Khối lượng tính cước, thanh toán

6.1- Khối lượng tính cước: là khối lượng than giao nhận tại cảng dỡ hàng tương ứng với độ ẩm thực tế (theo Giấy chứng nhận kết quả giám định khối lượng tại cảng dỡ hàng).

6.2 - Thanh toán:

6.2.1- Chứng từ thanh toán gồm:

- + Vận tải đơn.
- + Biên bản giao nhận than tại các địa điểm trả hàng.
- + Hoá đơn giá trị gia tăng cước vận chuyển.
- + Các giấy tờ hàng hoá khác (nếu có)

6.2.2- Phương thức và thời hạn thanh toán:

6.2.2.1. Phương thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng hoặc bù trừ công nợ, nếu có

6.2.2.2. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B theo từng chuyến hàng đã được vận chuyển trong vòng 60 ngày kể từ khi Bên A đã nhận đủ chứng từ thanh toán như quy định tại mục 6.3.1 nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn GTGT.

Điều 7. Bất khả kháng

7.1- Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2- Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thoả mãn các quy định tại khoản 7.1 Điều này:

- (a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;
- (b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;
- (c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;
- (d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;
- (e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;
- (f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7.3- Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 7.5 dưới đây.

7.4- Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm

mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5- Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6- Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 7.5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 8. Miễn bồi thường, bồi thường

8.1- Bồi thường:

(a) Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hoá bị tổn thất do Bên B vi phạm luật Hàng hải hoặc Luật giao thông thuỷ nội địa, như sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện an toàn, xếp hàng quá tải, làm mất niêm phong kẹp chì dẫn đến tổn thất than v.v.”

(b) Trường hợp hàng hoá bị tổn thất và/hoặc bị giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng và/hoặc để hàng hoá hao hụt vượt quá mức trần quy định tại mục 3.3 Điều 3, thì Bên vận chuyển phải bồi thường cho Bên A 100% giá trị khối lượng than tổn thất và/hoặc hao hụt quá tỷ lệ quy định hoặc giá trị chênh lệch giá than do giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng, theo giá hồ sơ thanh toán của lô hàng tại thời điểm xảy ra tổn thất.

(c) Trường hợp độ ẩm của than tăng thêm trong quá trình giao nhận, vận chuyển do lỗi của Bên vận chuyển thì Bên thuê vận chuyển được quyền xem xét việc tạm dừng khai thác phương tiện vi phạm và/hoặc chấm dứt hợp đồng với Bên vận chuyển (trường hợp vi phạm nhiều lần và nghiêm trọng).

Khi phát sinh việc độ ẩm của than tăng do lỗi của Bên vận chuyển, thì đại diện các bên lập biên bản sự việc xác định tỷ lệ độ ẩm tăng, khối lượng tăng thêm do tăng độ ẩm của than và trách nhiệm của Bên vận chuyển.

8.2- Khối lượng hàng hoá hao hụt vượt quy định được tính cho từng phương tiện vận chuyển, nếu có, Bên B phải bồi thường như quy định tại khoản 8.1.b.

8.3- Trường hợp phương tiện phải chờ dỡ hàng và dỡ hàng chậm tại cảng dỡ trong điều kiện thời tiết bình thường (ngoại trừ bất khả kháng) do lỗi của Bên mua hàng, thì việc phạt dôi nhật phương tiện (nếu có) được thực hiện theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên mua hàng.

8.4- Trường hợp Bên B cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian theo thoả thuận làm ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán than mà TKV đã ký với khách hàng thì Bên B phải bồi thường chi phí chờ đợi rút hàng của thiết bị, chi phí trả công nhân xếp dỡ và các chi phí liên quan đồng thời chịu bồi thường toàn bộ tổn thất mà TKV phải chịu theo hợp đồng mua bán than với bên mua hàng.

8.5. Bồi thường tổn thất: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên vận chuyển vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng mà gây ra thiệt hại, tổn thất cho Bên Thuê vận chuyển thì Bên vận chuyển có trách nhiệm bồi thường cho Bên Thuê vận chuyển toàn bộ các tổn thất mà Bên vận chuyển đã gây ra và các chi phí mà Bên Thuê vận chuyển đã phải chi trả để khắc phục (nếu có).

8.6- Chứng từ thanh toán các khoản bồi thường gồm:

+ Biên bản xác định khối lượng, giá trị than bị tổn thất hoặc hao hụt quá tỷ lệ quy định, hoặc về việc cung cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian, hoặc về thời gian dôi nhụt tàu lập giữa hai bên.

+ Văn bản đề nghị bồi thường hoặc trả tiền phạt của bên bị vi phạm gửi bên vi phạm.

8.7- Tiền bồi thường (nếu có) được thanh toán mỗi tháng một lần, trước ngày 15 của tháng sau.

Điều 9. Trách nhiệm của mỗi bên

9.1- Trách nhiệm của Bên A:

+ Thông báo kế hoạch vận chuyển cho Bên B trước ngày 03 của tháng (bằng email/fax).

+ Cấp đủ các chứng từ kèm theo lô hàng theo quy định.

+ Đảm bảo bến bãi, thiết bị xếp dỡ an toàn, đảm bảo năng suất.

+ Chịu trách nhiệm xếp/dỡ hàng ở hai đầu bến đảm bảo năng suất thỏa thuận, thời hạn laycan và phối hợp với Bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình làm hàng.

+ Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B đúng thời hạn thỏa thuận theo Quy định tại điều 6.2.2.

+ Cử cán bộ có thẩm quyền tại các địa điểm giao nhận để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến giao nhận hàng hoá tại hai đầu bến.

9.2- Trách nhiệm của Bên B:

+ Đảm bảo đủ phương tiện vận chuyển hàng và đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

+ Thông báo cho Bên A lịch tàu (laycan) nhận hàng tại cảng xếp (bằng email/fax) trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo kế hoạch vận chuyển tháng của Bên A. Thông báo cho Bên A trước ít nhất 24 giờ, trước khi phương tiện vào cảng trả hàng.

+ Điều động tàu đến cảng trong thời hạn laycan để nhận hàng.

+ Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu và các giấy tờ theo luật định; tuân thủ nội quy của các cảng xếp và dỡ hàng.

+ Chủ phương tiện chịu trách nhiệm bảo quản, đảm bảo an toàn hàng hóa về chất lượng, khối lượng trong suốt quá trình xếp/dỡ và vận chuyển.

+ Chỉ cho phương tiện rời cảng xếp hàng khi có đầy đủ các chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT của hàng hoá;

- Vận tải đơn (Bill of lading);

- Giấy chứng nhận kết quả giám định chất lượng, khối lượng than của TKV hoặc đơn vị giám định của khách hàng cấp kèm theo lô hàng;

- Biên bản kẹp chì hầm hàng.

+ Thông báo kịp thời cho Bên A những vướng mắc, sự cố phát sinh trong quá trình vận chuyển và giao nhận để hai bên kịp thời phối hợp giải quyết.

Khi có tổn thất than vì bất kỳ lý do nào, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A bằng email hoặc điện thoại và bằng văn bản trong vòng 48 giờ kể từ khi tổn thất xảy ra và phải cùng Bên A, cùng các bên liên quan xác định rõ nguyên nhân gây ra tổn thất, đồng thời phải cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết có liên quan đến tổn thất cho Bên A và công ty Bảo hiểm hàng hoá (than).

Điều 10. Điều khoản thi hành

10.1- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng này.



10.2- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp để giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng quyền lợi của mỗi bên.

10.3- Mọi sửa đổi hoặc bổ sung phải được hai bên bàn bạc, thoả thuận và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng bổ sung để thực hiện.

10.4- Khi có tranh chấp xảy ra, mà hai bên không thương lượng và tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

10.5- Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý mà không cần phải lập thành văn bản sau 30 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong quyền lợi và nghĩa vụ theo thoả thuận của hợp đồng này.

10.6- Hợp đồng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2023 đến hết ngày 31/12/2023 và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC 

Trịnh Trung Úy

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC 

Phạm Thế Trọng Toàn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN THAN NĂM 2023

Số: 28.02/HĐVC-NMND/2023/VT-VTT

- Căn cứ Luật dân sự năm 2005, Luật Thương mại 2005, Bộ Luật Hàng Hải Việt Nam năm 2005; Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Căn cứ nhu cầu và năng lực vận chuyển của hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Thành phố Hạ Long, chúng tôi gồm:

Bên thuê vận chuyển: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VIỆT THUẬN
(gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ: Số 412, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.2222689 Fax : 0203.6519888

Tài khoản 1: 115000171992 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN KCN Hải Dương.

Tài khoản 2: 01181 0023 9666 999 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Hải Phòng.

Mã số thuế: 5700562451

Do ông: **Trịnh Trung Ủy** - Chức vụ: **Giám đốc là đại diện.**

Bên nhân vận chuyển: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY-VINACOMIN
(gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ: Số 108 Đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3518 069/820 567 Fax:0203 3518 059/322

Tài khoản VNĐ: 8689.8888.001

Tại: Ngân hàng TMCP Tiên Phong– CN Quảng Ninh.

Mã số thuế: 5700 647 458

Do ông: **Phạm Thế Trọng Toàn** – Chức vụ: **Giám đốc là đại diện**

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng vận chuyển than năm 2023 với các điều khoản sau:

Điều 1: Hàng hoá, tuyến vận chuyển

1.1. Hàng hoá: Than các loại

1.2. Khối lượng (dự kiến): 150.000 tấn ($\pm 10\%$).

Khối lượng trên là dự kiến và có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng. Căn cứ nhu cầu sử dụng than thực tế hợp lý của khách hàng, hai bên sẽ thống nhất khối lượng vận chuyển hàng tháng, từng tuyến cho phù hợp.

1.3. Tuyến vận chuyển: (Như phụ biểu kèm theo)

Điều 2: Phương tiện vận chuyển

2.1. Phương tiện vận chuyển là sà lan boong nổi sau đây gọi chung là phương tiện.

2.2. Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện hoạt động theo luật định, đủ khả năng chuyên chở hàng hóa, phù hợp với loại hàng hóa vận chuyển và hoạt động đúng phạm vi đăng kiểm, đủ điều kiện xác định khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước hoặc cân, đủ điều kiện kẹp chì, phù hợp với việc xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Đảm bảo đủ các phương tiện vận tải đường thủy đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và an toàn trong thời gian thực hiện hợp đồng, phải được trang bị bạt che hàng, đảm bảo an toàn hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

2.3. Phương tiện vận chuyển phải tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu và Đơn bảo hiểm này có hiệu lực trong suốt quá trình vận chuyển. Loại trừ tàu/ sà lan lai kéo. Đối với tàu/sà lan lai kéo bên B phải thông báo cho bên A trước 03 ngày làm việc trước khi xếp hàng lên phương tiện để bên A thông báo cho chủ hàng, chủ hàng thông báo cho công ty bảo hiểm thu xếp tái bảo hiểm riêng cho từng chuyến hàng. Hàng hóa chỉ được xếp lên phương tiện vận chuyển khi có sự xác nhận từ Công ty bảo hiểm.

2.4. Bên B có trách nhiệm gửi danh sách phương tiện vận chuyển cùng các giấy tờ liên quan có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển cho đại diện chủ hàng (TKV) để cung cấp cho các đơn vị bảo hiểm xác nhận đủ điều kiện tham gia bảo hiểm trước khi giao than lên phương tiện vận chuyển. Bên B phải đảm bảo chứng từ của phương tiện vận chuyển là thật và các chứng từ này phải còn hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển hàng hóa được bảo hiểm; bao gồm nhưng không giới hạn những chứng từ sau:

- a. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện ;
- b. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu (bao gồm bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hàng hóa).
- c. Giấy đăng kiểm của phương tiện, cụ thể:
 - Đối với sà lan là Giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật và Bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

2.5. Trong trường hợp đơn vị bảo hiểm từ chối bồi thường tổn thất nguyên nhân do đơn vị vận tải thiếu các giấy tờ hợp lệ/ giấy tờ hết hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển/ giấy tờ giả mạo thì bên B phải bồi thường cho toàn bộ tổn thất (nếu có).

Điều 3: Phương thức, độ ẩm giao nhận, tỉ lệ hao hụt

3.1. Phương thức giao nhận: Giao nhận khối lượng bằng cân hoặc bằng phương pháp đo mớn nước căn cứ vào phương thức giao nhận than giữa Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) và khách hàng mua than.

3.1.1. Tại cảng xếp: Để đảm bảo chất lượng than, sau khi rót đủ hàng xuống phương tiện, đại diện của TKV là Công ty CP Giám định Vinacomin và/hoặc các Công ty giám định (do khách hàng của TKV thuê giám định) và đại diện phương tiện sẽ tiến hành niêm phong kẹp chì các hầm chứa than và lập biên bản giao cho thuyền trưởng ký nhận về khối lượng, chất lượng than tàu đã nhận để vận chuyển đến địa điểm trả hàng.

3.1.2. Tại cảng dỡ: Đại diện của TKV cùng thuyền trưởng tiến hành kiểm tra kẹp chì theo biên bản lập như qui định tại mục 3.1.1 và tiến hành mở kẹp chì để lấy mẫu phân tích theo quy định, khi các bên thống nhất về chất lượng thì tiến hành dỡ hàng và lập biên bản giao nhận hàng có chữ ký của đại diện TKV, khách hàng và Thuyền trưởng. Nếu kẹp chì không bị phá hoặc không có dấu hiệu thay đổi so với biên bản lập từ đầu gửi thì được coi là hàng vẫn đảm bảo chất lượng; nếu mất kẹp chì hoặc có dấu hiệu thay đổi thì số lượng hàng hoá bị thiếu hụt và chất lượng than bị thay đổi so với đầu gửi thì Bên vận chuyển (Bên B) có trách nhiệm bồi thường cho bên A.

3.2. Độ ẩm giao nhận:

- Tại cảng xếp hàng: Là độ ẩm thực tế tại cảng xếp hàng độ ẩm tiếp nhận không lớn hơn 13%. Trường hợp độ ẩm đầu nguồn lớn hơn 13% thì thực hiện theo thỏa thuận và có sự thống nhất của các bên liên quan (Bên bán than, mua than, vận chuyển).

- Độ ẩm của than giao nhận tại cảng dỡ hàng không vượt quá độ ẩm của than tại cảng xếp hàng (ngoại trừ bất khả kháng).

Phương pháp lấy mẫu, phân tích và lưu mẫu độ ẩm: Theo các tiêu chuẩn quốc gia hiện hành (TCVN). Trường hợp không thống nhất về kết quả phân tích độ ẩm, thì các bên cùng nhau lấy mẫu lại theo TCVN và cùng tiến hành phân tích, đồng thời tiến hành đo lại mức nước vào thời điểm lấy mẫu. Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

3.3. Tỷ lệ hao hụt (mức trần) trong quá trình giao nhận, vận chuyển: như Phụ biểu kèm theo.

- Khối lượng than hao hụt được xác định bằng khối lượng rót thực rót xuống phương tiện vận chuyển tại cảng rót hàng tương ứng với độ ẩm thực tế tại cảng rót (theo chứng thư giám định khối lượng, chất lượng than) trừ (-) đi khối lượng giao nhận thực tế tại cảng dỡ hàng được quy về độ ẩm tại cảng rót hàng. Cách tính quy đổi theo các TCVN hiện hành.

Điều 4: Năng suất xếp/dỡ

4.1. Thời gian xếp, dỡ hàng, thưởng/ phạt dôi nhật tại các cảng, bến cảng một ngày (ngày bằng 24 giờ) trong điều kiện thời tiết bình thường như sau:

- Tại cảng xếp hàng: Theo tập quán của cảng (CQD)

- Tại cảng dỡ hàng: Theo hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và bên mua hàng

4.2. Thứ tự xếp/ dỡ hàng theo nguyên tắc phương tiện nào đến trước thì xếp/ dỡ trước, phương tiện nào đến sau thì xếp/ dỡ sau. Trường hợp khác có sự thống nhất của hai bên.

Điều 5: Cước phí, khối lượng tính cước và thanh toán

5.1. Giá cước vận chuyển Bên A phải thanh toán cho Bên B bao gồm: Cước vận chuyển chưa có thuế GTGT + (cộng) thuế GTGT; cụ thể:

5.1.1. Cước vận chuyển chưa có thuế GTGT: Như phụ biểu kèm theo

5.1.2. Thuế GTGT: Thực hiện theo Luật thuế GTGT hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, hiện tại thuế suất là 10%.

5.1.3. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi giá thì hai bên sẽ thương thảo và ký phụ lục hợp đồng để thực hiện.

5.2. Khối lượng tính cước: Khối lượng tính cước vận chuyển là khối lượng than thực tế giao nhận tại kho/cảng/địa điểm dỡ hàng của bên Mua than tương ứng với độ ẩm thực tế tại kho/cảng/địa điểm dỡ hàng.

5.3. Phương thức và thời hạn thanh toán:

5.3.1. Chứng từ thanh toán gồm:

+ Hoá đơn (GTGT) cước vận tải;

+ Biên bản giao nhận than tại các địa điểm dỡ hàng;

+ Giấy vận chuyển hàng hóa (Vận tải đơn);

5.3.2. Phương thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng hoặc đối trừ công nợ (nếu có)

5.3.3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán tiền cho Bên B hàng tháng cho các chuyến hàng đã dỡ xong, trên cơ sở biên bản đối chiếu giữa hai đơn vị từ ngày 01 + 05 tháng kế tiếp, trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A đã nhận đủ chứng từ thanh toán quy định.

Điều 6: Trách nhiệm mỗi bên

6.1. Trách nhiệm của Bên A:

6.1.1. Đảm bảo tiến độ xếp/dỡ hàng hoá an toàn, nhanh chóng như đúng thoả thuận.

6.1.2. Đảm bảo tính chất pháp lý của hàng hoá vận chuyển.

6.1.3. Thanh toán cước phí và các chi phí khác (nếu có) cho Bên B theo đúng quy định trong hợp đồng.

6.2. Trách nhiệm của Bên B:

6.2.1. Bố trí đủ phương tiện có đủ điều kiện vận chuyển than theo Điều 2, đảm bảo vận chuyển đủ khối lượng hàng hoá an toàn theo yêu cầu của Bên A.

6.2.2. Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu vận chuyển của Bên A, Bên B thông báo cho Bên A lịch tàu nhận hàng tại cảng xếp. Điều động tàu đến cảng trong thời hạn để nhận hàng.

6.2.3. Bảo quản hàng hoá kể từ khi hàng đã xếp xuống tàu cho đến lúc hàng được dỡ khỏi tàu, không để xảy ra hư hỏng, tổn thất hoặc thay đổi chất lượng hàng hoá trong cả quá trình vận chuyển. Bên B phải có trách nhiệm trả hàng cho đúng chủ nhận hàng tại cảng dỡ ghi trong hóa đơn bán hàng do TKV cấp, phiếu/giấy vận chuyển. Trường hợp Bên B không trả hàng tại cảng dỡ theo chỉ định hoặc có biểu hiện gian lận, mua bán than trao tay cho khách hàng tại đầu nguồn hoặc trên đường hành trình thì số hàng trên được coi như mất toàn bộ và Bên B phải bồi thường 100% giá trị hàng hoá, đồng thời bị phạt thêm 8% giá trị hàng hoá (tổng cộng là 108%) theo giá bán than tại cảng dỡ mà chuyên hàng đó được chỉ định vận chuyển đến và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

6.2.4. Đảm bảo vận chuyển và giao hàng đúng thời gian của từng chuyến hàng đã thống nhất với Bên A. Nếu Bên B không thực hiện vận chuyển hàng hoá đúng theo thời gian mà hai bên đã thống nhất thì Bên B phải chịu phạt theo quy định tại Điều 08 của hợp đồng này.

6.2.5. Đảm bảo phương tiện và thuyền viên có đủ điều kiện và giấy tờ hợp pháp khi vận chuyển hàng hoá. Trường hợp hàng hoá bị tổn thất do phương tiện, thuyền viên không đảm bảo điều kiện theo quy định hiện hành thì bên B phải bồi thường 100% giá trị thiệt hại hàng hoá bị tổn thất.

6.2.6. Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự (TNDS) theo quy định của pháp luật và tham gia bảo hiểm TNDS về hàng hoá. Trường hợp bảo hiểm từ chối bồi thường tổn thất hàng hoá do phương tiện không tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự về hàng hoá thì bên B phải bồi thường toàn bộ hàng hoá bị tổn thất và các chi phí phát sinh liên quan do bất cứ nguyên nhân nào.

6.2.7. Bên B uỷ quyền cho thuyền trưởng hoặc thuyền phó nhận hàng tại cảng xếp và giao hàng tại cảng dỡ và ký các chứng từ giao nhận hàng hoá tại đầu nguồn và cuối nguồn. Thuyền trưởng/phó có trách nhiệm bảo quản hàng hoá an toàn về chất lượng, khối lượng, đưa hàng an toàn về cảng dỡ cuối nguồn.

- Cùng với đại diện bên giao hàng thực hiện việc lấy mẫu than tại cảng xếp hàng;
- Nhận chất lượng than tại cảng xếp hàng.
- Nhận mẫu than do bên giao hàng gửi theo phương tiện để giao lại cho bên nhận hàng tại cảng dỡ hàng (nếu có);
- Giám sát việc niêm phong kẹp chì phương tiện vận chuyển than sau khi kết thúc làm hàng tại cảng xếp hàng.

6.2.8. Chỉ cho phương tiện rời cảng xếp hàng khi có đầy đủ các chứng từ như đã nêu ở mục 3.4 Điều 3

6.2.9. Thông báo cho Bên A hành trình của phương tiện theo từng chuyến kể từ lúc rời cảng xếp cho đến khi đến cảng dỡ và kết thúc giao hàng (ký biên bản giao nhận than cuối nguồn).

6.2.10. Thông báo kịp thời cho bên A những vướng mắc, sự cố trong quá trình vận chuyển đến khi kết thúc việc giao nhận để hai bên kịp thời phối hợp giải quyết.

6.2.11. Khi có tổn thất xảy ra vì bất cứ lý do nào bên B phải thông báo ngay cho Bên A và/hoặc công ty bảo hiểm do bên A chỉ định bằng văn bản trong vòng 48 giờ kể từ khi tổn

thất xảy ra và phải cùng bên A xác định rõ nguyên nhân gây ra tổn thất, đồng thời phải cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết có liên quan đến tổn thất cho bên A và các bên liên quan.

6.2.12. Nếu bên vận chuyển vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng bên thuê vận chuyển có quyền chấm dứt hợp đồng mà không chịu bất kỳ khoản chi phí hoặc bồi thường nào.

Điều 7: Bất khả kháng

7.1. Nội dung bất khả kháng nêu trong hợp đồng này được hiểu là bất cứ nguyên nhân nào ngoài tầm kiểm soát và không có lỗi hoặc sự cẩu thả của bên có liên quan và với sự cố gắng của bên đó cũng không thể ngăn chặn hoặc khắc phục hoặc dự kiến trước được, nhưng không giới hạn: thiên tai, dịch họa, nổi dậy, đình công, tranh chấp về lao động, lở đất, hoả hoạn, động đất, bão lụt, sóng thần, điều kiện sông ngòi, cấm vận ... mà có xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền xác nhận.

7.2. Khi trường hợp bất khả kháng xảy ra, bên gặp bất khả kháng sẽ phải thông báo cho bên kia bằng văn bản có xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra bất khả kháng (Fax, telex) trong vòng 05 ngày.

7.3. Bên gặp bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm hợp đồng của mình khi tình trạng bất khả kháng kết thúc.

7.4. Nếu trường hợp bất khả kháng tiếp diễn quá 20 ngày, mỗi bên có thể tùy theo mình lựa chọn có tiếp tục thực hiện hợp đồng nữa hay không. Trong trường hợp này, bên kia sẽ không có quyền khiếu nại đòi bồi thường.

7.5. Bên gặp bất khả kháng sẽ phải bồi thường thiệt hại cho bên kia nếu không thông báo cho bên kia theo quy định tại mục 7.2 trên đây.

Điều 8: Miễn bồi thường, bồi thường:

8.1. Bồi thường:

(a) Bên B phải bồi thường cho bên A toàn bộ giá trị hàng hóa bị tổn thất bao gồm nhưng không giới hạn các nguyên nhân sau: sai sót của thuyền trưởng, thủy thủ trong quá trình điều khiển phương tiện, va chạm với bên thứ ba, lỗi kỹ thuật của phương tiện, bên B vi phạm luật Hàng hải hoặc luật giao thông đường-thủy nội địa, sử dụng phương tiện không đảm bảo an toàn làm thay đổi thiết kế kỹ thuật của phương tiện so với sổ đăng kiểm, xếp hàng quá tải, làm mất niêm phong kẹp chì dẫn đến mất/tổn thất than ...

(b) Trường hợp hàng hóa bị tổn thất và/hoặc bị giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng do lỗi của Bên B và/hoặc để hàng hóa hao hụt vượt quá mức trần qui định tại mục 3.3 Điều 3, thì Bên B phải bồi thường cho Bên A 100% giá trị khối lượng than tổn thất và/hoặc hao hụt quá tỷ lệ qui định hoặc giá trị chênh lệch giá than do giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng, theo giá thị trường tại cảng dỡ hàng thời điểm xảy ra tổn thất.

(c) Trường hợp độ ẩm của than tăng thêm trong quá trình giao nhận, vận chuyển do lỗi của Bên vận chuyển thì Bên thuê vận chuyển được quyền xem xét việc tạm dừng khai thác phương tiện vi phạm và/hoặc chấm dứt hợp đồng với Bên vận chuyển (trường hợp vi phạm nhiều lần và nghiêm trọng).

Khi phát sinh việc độ ẩm của than tăng do lỗi của Bên vận chuyển, thì đại diện các bên lập biên bản sự việc xác định tỷ lệ độ ẩm tăng, khối lượng tăng thêm do tăng độ ẩm của than và trách nhiệm của Bên vận chuyển..

8.2. Khối lượng hàng hóa hao hụt vượt quy định được tính theo từng đoàn phương tiện vận chuyển (nếu có), bên vận chuyển phải bồi thường như quy định tại khoản 8.1

8.3. Trường hợp phương tiện phải chờ dỡ hàng và dỡ hàng chậm tại cảng dỡ trong điều kiện thời tiết bình thường (ngoại trừ bất khả kháng) do lỗi của bên mua hàng, thì việc phạt dôi nhật phương tiện (nếu có) được thực hiện theo hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và bên mua hàng.

8.4. Nếu Bên B không bố trí đủ phương tiện vận chuyển theo kế hoạch tác nghiệp đã thống nhất hàng tháng hoặc chậm thời gian giao hàng làm ảnh hưởng đến hợp đồng vận chuyển than mà Bên A đã ký với TKV thì Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh liên quan do không bố trí đủ phương tiện và/hoặc chậm giao hàng.

8.5. Bồi thường tổn thất: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên vận chuyển vi phạm bất kỳ quy định nào của hợp đồng mà gây ra thiệt hại, tổn thất cho bên thuê vận chuyển thì bên vận chuyển có trách nhiệm bồi thường cho bên thuê vận chuyển toàn bộ các tổn thất mà bên vận chuyển đã gây ra và các chi phí mà bên thuê vận chuyển đã phải chi trả để khắc phục (nếu có)

8.6. Chúng tôi thanh toán các khoản bồi thường, tiền phạt gồm:

+ Biên bản xác định khối lượng than bị tổn thất hoặc hao hụt quá tỷ lệ quy định, hoặc về việc cung cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian hoặc về thời gian đôi nhật lập giữa hai bên.

+ Văn bản đề nghị bồi thường hoặc trả tiền phạt của bên bị vi phạm gửi bên vi phạm

8.7. Tiền bồi thường (nếu có) được thanh toán mỗi tháng một lần trước ngày 15 của tháng sau.

Điều 9: Cam kết và thực hiện hợp đồng

9.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc hai bên sẽ gặp nhau để thương lượng giải quyết trên tinh thần bình đẳng, thiện chí, tôn trọng lẫn nhau và không phương hại đến cả hai bên.

9.2. Nếu có trường hợp rủi ro xảy ra thì lập biên bản hiện trường có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương sở tại để làm cơ sở giải quyết hậu quả theo quy định của Pháp luật.

9.3. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung các điều khoản của hợp đồng này đều phải thể hiện bằng văn bản và được cả 2 bên cùng ký.

9.4. Tất cả các điều kiện và điều khoản khác liên quan không ghi trong hợp đồng này sẽ được áp dụng theo Luật Dân sự, Luật Thương mại, Bộ Luật Hàng hải Việt Nam, Luật Giao thông đường thủy nội địa và các văn bản hiện hành.

9.5. Khi có tranh chấp xảy ra, mà hai bên không thương lượng và tự giải quyết được, thì tranh chấp sẽ được trình Toà án Kinh tế Quảng Ninh xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải tuân thủ. Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

9.6. Hợp đồng sẽ tự động thanh lý mà không cần phải lập thành văn bản sau 30 ngày kể từ khi các bên thực hiện xong quyền lợi và nghĩa vụ theo thoả thuận của hợp đồng này.

9.7. Hợp đồng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2023 và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B *ch*
GIÁM ĐỐC

Phạm Thế Trọng Hoàn

ĐẠI DIỆN BÊN A *ju*
GIÁM ĐỐC

Trình Trọng Quý

Phụ biểu 1: TUYÊN VẬN CHUYÊN VÀ ĐƠN GIÁ
Kèm theo Hợp đồng vận chuyển số: 28.02/HĐVC-NMNĐ/2023/VT-VTT ngày 28/02/2023

	Tuyên vận chuyên đi các Nhà máy nhiệt điện (NMNĐ)	Cước vận chuyên đồng/ tấn (chưa VAT)	Tỷ lệ hao hụt (%)
1	Cảng NMNĐ Hải Phòng		
	- Cảng rót tại khu vực Cẩm Phả	41.097	0.45
	- Cảng rót tại khu vực Hòn Gai	39.139	0.45
	- Cảng rót tại khu vực Điện Công/ Bên Cân	28.370	0.40
	- Cảng rót tại khu vực Đá Bạc (Hải Phòng)	32.286	0.40
	- Cảng rót tại khu vực Hải Dương	33.265	Bổ sung sau

NAM 78

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN THAN NĂM 2023
Số: 02/HĐVC/TB/2023/VTT-PT

- Căn cứ Luật dân sự năm 2015, Luật Thương mại 2005, Bộ Luật Hàng Hải Việt Nam năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi tương ứng hiện hành.
- Căn cứ nhu cầu và năng lực vận chuyển của hai bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Thành phố Hạ Long, chúng tôi gồm

Bên thuê vận chuyên: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY-VINACOMIN
(gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ: Số 108 Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 3820567 Fax: 0203 3518 322/059

Tài khoản: 8689.8888.001

Tại: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Quảng Ninh

Mã số thuế: 5 7 0 0 6 4 7 4 5 8

Do ông: **Phạm Thế Trọng Toàn** – Chức vụ: **Giám đốc là đại diện**

Bên nhân vận chuyên: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN PHƯƠNG TRANG
(gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ: Tô 6 Khu 6, Phường Yết Kiêu, Tp Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.3819577 Fax: 0203 3819577

Tài khoản: 44810000819999 tại Ngân hàng BIDV – CN Hạ Long

Tài khoản: 8000201014864 tại Ngân hàng Agribank – CN Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701883401

Do ông: **Phạm Văn Hoan** - Chức vụ: **Giám đốc là đại diện**

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng vận chuyên năm 2023 với các điều khoản sau:

Điều 1. Tên hàng, khối lượng, tuyến vận chuyên và đơn giá vận chuyên

1.1- Tên hàng: than cám các loại.

1.2- Khối lượng (dự kiến): 500.000 tấn (±20%)

Căn cứ nhu cầu sử dụng thực tế hợp lý và nhu cầu của khách hàng mua than, hàng tháng hai bên sẽ thống nhất khối lượng vận chuyên cho phù hợp.

1.3- Tuyến vận chuyên và đơn giá: như phụ biểu kèm theo.

1.4- Cước vận chuyên sẽ được điều chỉnh khi có sự điều chỉnh giá cước của TKV theo sự biến động của giá nhiên liệu và/hoặc theo sự thỏa thuận bằng các phụ lục hợp đồng bổ sung được hai bên ký.

Điều 2. Phương tiện vận chuyên

2.1. Phương tiện vận chuyên.

+ Đối với tuyến vận chuyên đi NĐ Nghi Sơn 1: Tàu biển hoặc tàu SB có trọng tải ≥ 3.000 DWT, tối đa 5.000 DWT có đủ điều kiện vận chuyên theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến.

+ Đối với tuyến vận chuyển đi NĐ Vũng Áng 1: Tàu biển và/hoặc tàu SB có trọng tải tối thiểu 20.000 DWT, tối đa 30.000 DWT, có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Để phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng và thiết bị dỡ hàng tại cảng dỡ của NMNĐ ưu tiên những phương tiện vận chuyển có tải trọng từ 20.000 DWT đến 30.000 DWT, ít khoang hàng (dưới 04 hầm hàng), khoang hàng không lộ xương, đóng/mở hầm hàng tự động, đáp ứng được điều kiện dỡ hàng của NMNĐ Vũng Áng 1.

+ Đối với tuyến vận chuyển đi NĐ Vĩnh Tân 1+2: Tàu biển/tàu SB có trọng tải ≥ 20.000 đến 30.000 tấn DWT và tàu biển có trọng tải > 30.000 tấn DWT tối đa 50.000 DWT có đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật, đủ điều kiện giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến.

+ Tuổi phương tiện vận chuyển: ưu tiên những phương tiện không quá 25 tuổi.

2.2- Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện hoạt động theo luật định, đủ khả năng chuyên chở hàng hóa, phù hợp với loại hàng hóa được vận chuyển và hoạt động đúng phạm vi đăng kiểm, đủ điều kiện xác định khối lượng bằng phương pháp giám định mớn nước, phù hợp với điều kiện xếp/dỡ hàng tại hai đầu bến. Đảm bảo đủ các phương tiện vận tải đường thủy đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và an toàn trong thời gian thực hiện hợp đồng, phải được trang bị bạt che hàng, đảm bảo an toàn hàng hoá trong quá trình vận chuyển.

2.3- Phương tiện vận chuyển phải tham gia bảo hiểm Trách nhiệm dân sự chủ tàu và Đơn bảo hiểm này có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển. Hàng hóa chỉ được xếp lên phương tiện vận chuyển khi có sự xác nhận từ công ty bảo hiểm.

2.4- Bên vận chuyển phải gửi danh sách các phương tiện vận chuyển cùng với các giấy tờ liên quan có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển cho Bên A để cung cấp cho các đơn vị bảo hiểm xác nhận đủ điều kiện tham gia bảo hiểm trước khi giao than lên phương tiện vận chuyển. Bên vận chuyển phải đảm bảo các chứng từ của phương tiện vận chuyển là thật và các chứng từ này phải có hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển hàng hóa được bảo hiểm; bao gồm nhưng không giới hạn các chứng từ sau:

a. Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện;
b. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu (bao gồm bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hàng hóa);

c. Giấy đăng kiểm của phương tiện, cụ thể:

- Đối với Tàu biển là Giấy chứng nhận phân cấp tàu,

- Đối với tàu SB là Giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

2.5- Trong trường hợp đơn vị bảo hiểm từ chối bồi thường tổn thất nguyên nhân do phương tiện vận tải thiếu các giấy tờ hợp lệ/giấy tờ hết hiệu lực trong suốt hành trình vận chuyển/giấy tờ giả mạo, đơn vị vận chuyển phải bồi thường cho toàn bộ tổn thất (nếu có)

2.6. Phương tiện vận chuyển cho từng lô hàng sẽ được quy định cụ thể trong các phụ lục hợp đồng vận chuyển kèm theo hợp đồng này.

Điều 3. Phương pháp xác định khối lượng, độ ẩm giao nhận và tỷ lệ hao hụt

3.1- Phương pháp xác định khối lượng: Giao nhận khối lượng bằng phương pháp giám định món nước hoặc bằng cân (căn cứ vào phương pháp xác định khối lượng giữa TKV và khách hàng mua than).

3.2- Độ ẩm giao nhận: là độ ẩm thực tế tại cảng xếp hàng.

Độ ẩm của than giao nhận tại cảng dỡ hàng không vượt quá độ ẩm của than tại cảng xếp hàng (ngoại trừ bất khả kháng).

3.3- Tỷ lệ hao hụt (mức trần) trong quá trình giao nhận, vận chuyển: như Phụ biểu kèm theo.

Hao hụt được tính như sau: khối lượng hao hụt bằng khối lượng rót hàng tại đầu nguồn tương ứng với độ ẩm thực tế tại cảng rót (theo giấy chứng nhận giám định khối lượng, chất lượng than của TKV) trừ khối lượng giao nhận cuối nguồn được quy về độ ẩm tại đầu nguồn. Cách tính quy đổi theo các TCVN hiện hành.

Điều 4. Năng suất xếp và dỡ hàng

Thời gian xếp/dỡ hàng/thường, phạt dôi nhật:

- Tại cảng xếp hàng: CQD (không thường, không phạt, tốc độ xếp, dỡ hàng theo tập quán phổ biến của cảng).

- Tại cảng dỡ hàng: theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên Mua hàng.

Điều 5. Thời gian làm hàng và vận chuyển

5.1- Khi tàu đến vị trí neo chờ vào cầu (khu vực qui định của cảng) đại diện phương tiện trao thông báo sẵn sàng làm hàng (N.O.R) để xếp/dỡ hàng trong giờ làm việc buổi sáng (từ 08:00 đến 12:00 giờ), buổi chiều (từ 13:00 đến 17:00 giờ) vào các ngày làm việc trong tuần (từ thứ Hai đến thứ Bảy trừ chủ nhật, ngày lễ, tết), thời gian làm hàng được tính như sau:

+ Tại cảng xếp: Nếu N.O.R trao vào buổi sáng trước 12:00 giờ, thời gian làm hàng sẽ được tính từ 13:00 giờ cùng ngày, trường hợp N.O.R trao sau 12:00 giờ thì thời gian làm hàng sẽ được tính vào 08:00 giờ sáng ngày hôm sau.

Do phải làm mẫu chất lượng hàng tại cảng xếp, nên thời gian xếp hàng được cộng thêm tối đa là 12 giờ để tính thời gian làm hàng tại cảng xếp. Nếu thời gian làm mẫu dưới 12 giờ thì tính theo số giờ thực tế.

+ Tại cảng dỡ: Sau khi tàu cập cảng, đại diện của TKV, khách hàng cùng với đại diện phương tiện kiểm tra kẹp chì và mở hầm hàng tiến hành lấy mẫu, giám định khối lượng, giám định chất lượng, (thời gian này không quá 24 giờ kể từ khi tàu cập cảng, không tính thời gian làm hàng) và sau đó tiến hành dỡ hàng.

5.2- Thay đổi thời gian xếp hàng: Trường hợp cần thay đổi thời gian xếp hàng, trong thời gian không dưới 07 ngày trước thời hạn xếp hàng (đã có laycan) trước đó, Bên A gửi thông báo đề nghị sửa đổi ngày xếp hàng chậm lại/hoặc nhanh hơn để Bên B có thời gian điều chỉnh lịch tàu cho phù hợp.

Điều 6. Khối lượng tính cước, thanh toán

6.1- Khối lượng tính cước: là khối lượng than giao nhận tại cảng dỡ hàng tương ứng với độ ẩm thực tế (theo Giấy chứng nhận kết quả giám định khối lượng tại cảng dỡ hàng).

6.2 - Thanh toán:

6.2.1- Chứng từ thanh toán gồm:

+ Vận tải đơn.

+ Biên bản giao nhận than tại các địa điểm trả hàng.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng cước vận chuyển.

+ Các giấy tờ hàng hoá khác (nếu có)

6.2.2- Phương thức và thời hạn thanh toán:

6.2.2.1. Phương thức thanh toán: chuyển khoản qua ngân hàng hoặc bù trừ công nợ, nếu có

6.2.2.2. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B theo từng chuyến hàng đã được vận chuyển trong vòng 60 ngày kể từ khi Bên A đã nhận đủ chứng từ thanh toán như quy định tại mục 6.3.1 nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn GTGT.

Điều 7. Bất khả kháng

7.1- Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy ra một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

7.2- Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thoả mãn các quy định tại khoản 7.1 Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của các cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7.3- Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 7.5 dưới đây.

7.4- Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc

phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5- Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6- Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 90 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 7.5 Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

Điều 8. Miễn bồi thường, bồi thường

8.1- Bồi thường:

(a) Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hoá bị tổn thất do Bên B vi phạm luật Hàng hải hoặc Luật giao thông thuỷ nội địa, như sử dụng phương tiện không đảm bảo điều kiện an toàn, xếp hàng quá tải, làm mất niêm phong kẹp chì dẫn đến tổn thất than v.v.”

(b) Trường hợp hàng hoá bị tổn thất và/hoặc bị giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng và/hoặc để hàng hoá hao hụt vượt quá mức trần qui định tại mục 3.3 Điều 3, thì Bên vận chuyển phải bồi thường cho Bên A 100% giá trị khối lượng than tổn thất và/hoặc hao hụt quá tỷ lệ qui định hoặc giá trị chênh lệch giá than do giảm phẩm cấp, thay đổi chất lượng, theo giá hồ sơ thanh toán của lô hàng tại thời điểm xảy ra tổn thất.

(c) Trường hợp độ ẩm của than tăng thêm trong quá trình giao nhận, vận chuyển do lỗi của Bên vận chuyển thì Bên thuê vận chuyển được quyền xem xét việc tạm dừng khai thác phương tiện vi phạm và/hoặc chấm dứt hợp đồng với Bên vận chuyển (trường hợp vi phạm nhiều lần và nghiêm trọng).

Khi phát sinh việc độ ẩm của than tăng do lỗi của Bên vận chuyển, thì đại diện các bên lập biên bản sự việc xác định tỷ lệ độ ẩm tăng, khối lượng tăng thêm do tăng độ ẩm của than và trách nhiệm của Bên vận chuyển.

8.2- Khối lượng hàng hoá hao hụt vượt quy định được tính cho từng phương tiện vận chuyển, nếu có, Bên B phải bồi thường như quy định tại khoản 8.1.b.

8.3- Trường hợp phương tiện phải chờ dỡ hàng và dỡ hàng chậm tại cảng dỡ trong điều kiện thời tiết bình thường (ngoại trừ bất khả kháng) do lỗi của Bên mua hàng, thì việc phạt dôi nhật phương tiện (nếu có) được thực hiện theo Hợp đồng mua bán than ký giữa TKV và Bên mua hàng.

8.4- Trường hợp Bên B cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian theo thoả thuận làm ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán than mà TKV đã ký với khách

hàng thì Bên B phải bồi thường chi phí chờ đợi rót hàng của thiết bị, chi phí trả công nhân xếp dỡ và các chi phí liên quan đồng thời chịu bồi thường toàn bộ tổn thất mà TKV phải chịu theo hợp đồng mua bán than với bên mua hàng.

8.5. Bồi thường tổn thất: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu Bên vận chuyển vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp đồng mà gây ra thiệt hại, tổn thất cho Bên Thuê vận chuyển thì Bên vận chuyển có trách nhiệm bồi thường cho Bên Thuê vận chuyển toàn bộ các tổn thất mà Bên vận chuyển đã gây ra và các chi phí mà Bên Thuê vận chuyển đã phải chi trả để khắc phục (nếu có).

8.6- Chứng từ thanh toán các khoản bồi thường gồm:

+ Biên bản xác định khối lượng, giá trị than bị tổn thất hoặc hao hụt quá tỷ lệ quy định, hoặc về việc cung cấp phương tiện không đủ hoặc chậm thời gian, hoặc về thời gian dôi nhật tàu lập giữa hai bên.

+ Văn bản đề nghị bồi thường hoặc trả tiền phạt của bên bị vi phạm gửi bên vi phạm.

8.7- Tiền bồi thường (nếu có) được thanh toán mỗi tháng một lần, trước ngày 15 của tháng sau.

Điều 9. Trách nhiệm của mỗi bên

9.1- Trách nhiệm của Bên A:

+ Thông báo kế hoạch vận chuyển cho Bên B trước ngày 03 của tháng (bằng email/fax).

+ Cấp đủ các chứng từ kèm theo lô hàng theo quy định.

+ Đảm bảo bến bãi, thiết bị xếp dỡ an toàn, đảm bảo năng suất.

+ Chịu trách nhiệm xếp/dỡ hàng ở hai đầu bến đảm bảo năng suất thỏa thuận, thời hạn laycan và phối hợp với Bên B giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình làm hàng.

+ Thanh toán tiền cước vận chuyển cho Bên B đúng thời hạn thỏa thuận theo Quy định tại điều 6.2.2.

+ Cử cán bộ có thẩm quyền tại các địa điểm giao nhận để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến giao nhận hàng hoá tại hai đầu bến.

9.2- Trách nhiệm của Bên B:

+ Đảm bảo đủ phương tiện vận chuyển hàng và đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

+ Thông báo cho Bên A lịch tàu (laycan) nhận hàng tại cảng xếp (bằng email/fax) trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo kế hoạch vận chuyển tháng của Bên A. Thông báo cho Bên A trước ít nhất 24 giờ, trước khi phương tiện vào cảng trả hàng.

+ Điều động tàu đến cảng trong thời hạn laycan để nhận hàng.

+ Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu và các giấy tờ theo luật định; tuân thủ nội quy của các cảng xếp và dỡ hàng.

+ Chủ phương tiện chịu trách nhiệm bảo quản, đảm bảo an toàn hàng hóa về chất lượng, khối lượng trong suốt quá trình xếp/dỡ và vận chuyển.

+ Chỉ cho phương tiện rời cảng xếp hàng khi có đầy đủ các chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT của hàng hoá;

- Vận tải đơn (Bill of lading);

- Giấy chứng nhận kết quả giám định chất lượng, khối lượng than của TKV hoặc đơn vị giám định của khách hàng cấp kèm theo lô hàng;

- Biên bản kẹp chì hàm hàng.
 - + Thông báo kịp thời cho Bên A những vướng mắc, sự cố phát sinh trong quá trình vận chuyển và giao nhận để hai bên kịp thời phối hợp giải quyết.
- Khi có tổn thất than vì bất kỳ lý do nào, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A bằng email hoặc điện thoại và bằng văn bản trong vòng 48 giờ kể từ khi tổn thất xảy ra và phải cùng Bên A, cùng các bên liên quan xác định rõ nguyên nhân gây ra tổn thất, đồng thời phải cung cấp thông tin và tài liệu cần thiết có liên quan đến tổn thất cho Bên A và công ty Bảo hiểm hàng hoá (than).

Điều 10. Điều khoản thi hành

10.1- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng này.

10.2- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp để giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng quyền lợi của mỗi bên.

10.3- Mọi sửa đổi hoặc bổ sung phải được hai bên bàn bạc, thoả thuận và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng bổ sung để thực hiện.

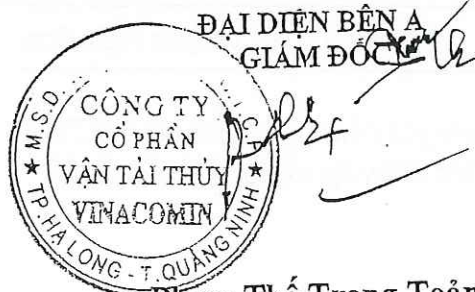
10.4- Khi có tranh chấp xảy ra, mà hai bên không thương lượng và tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

10.5- Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý mà không cần phải lập thành văn bản sau 30 ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong quyền lợi và nghĩa vụ theo thoả thuận của hợp đồng này.

10.6- Hợp đồng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2023 đến hết ngày 31/12/2023 và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.




Phạm Văn Hoan



Phạm Thế Trọng Toàn

Phụ biểu: **GIÁ, TUYÊN VẬN CHUYÊN VÀ TỈ LỆ HAO HỤT**



Số TT		Đơn giá (đồng/tấn)	Tỷ lệ hao hụt giao nhận bằng giám định món nước (%)
1	Cảng Nhà máy Xi măng Nghi Sơn (Thanh Hoá)		
	- Cảng rót khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyên tải	95.000	0,5
2	Cảng Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1 (Thanh Hoá)		
	- Cảng rót khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyên tải	78.000	0,5
	- Cảng rót khu vực Điện Công/Bến Cân (Quảng Ninh)	95.000	0,5
3	Cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Hà Tĩnh)		
	- Cảng rót khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyên tải	153.687	0,5
	- Từ cảng trung chuyên Nghi Sơn	108.985	0,5
4	Cảng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 1 (Bình Thuận)		
	- Cảng rót khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyên tải	174.611	0,5
5	Cảng Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 (Bình Thuận)		
	- Cảng rót khu vực Cẩm Phả/khu vực chuyên tải	174.611	0,5
	- Từ cảng trung chuyên Nghi Sơn	165.100	0,5

* Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT.

* Thời điểm áp dụng từ 01/03/2023.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 02012023/HĐKT/PT-VTT

(V/v: mua bán dầu nhờn)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24/11/2015.
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2023, chúng tôi gồm có:

Bên bán (Bên A): CÔNG TY TNHH VẠN TÀI BIỂN PHƯƠNG TRANG

Địa chỉ : Tổ 6, khu 6, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh.
Điện thoại : 0913 265 073 Fax:
Tài khoản 1 : 44810000819999 tại ngân hàng BIDV, chi nhánh Hạ Long.
Tài khoản 2 : 112642778888 tại ngân hàng Vietinbank, chi nhánh Quảng Ninh.
MST : 5701883401
Người đại diện: **Ông Phạm Văn Hoan** Chức vụ: Giám đốc.

Bên mua (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI THỦY-VINACOMIN.

Địa chỉ : Số 108 Lê Thánh Tông, P.Hồng Gai, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
Điện thoại : 0203 3518069 Fax: 0203 3518059
Tài khoản : 86898888001 tại ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Quảng Ninh.
MST : 5700647458.
Người đại diện: **Ông Phạm Thế Trọng Toàn** Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên đã bàn bạc và thống nhất ký kết hợp đồng mua bán nguyên tắc theo những điều khoản và điều kiện sau đây:

Điều 1: Hàng hóa - Chất lượng - Xuất xứ sản phẩm:

- Bên A đồng ý bán, bên B đồng ý mua các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và các sản phẩm khác mang thương hiệu Amtecol.
- Sản phẩm Bên A cung cấp cho Bên B là sản phẩm nhập khẩu từ Mỹ. Chất lượng sản phẩm Bên A cung cấp cho Bên B đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế đã được chứng nhận của nhà sản xuất.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp đủ các mặt hàng theo đơn đặt hàng của bên B tại thời điểm cụ thể.

Điều 2: Số lượng và giá cả.

- Số lượng: Theo đơn đặt hàng của bên B.
 - Giá sản phẩm sẽ được tính theo giá bán chi tiết đính kèm hợp đồng này.
- Trong trường hợp có sự thay đổi về giá bán cũng như các chi phí cấp hàng cho tàu, bên A phải báo trước cho bên B và chỉ cấp hàng sau khi nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của bên B.

Điều 3: Điều kiện và thời hạn giao hàng.

- Bên A sẽ giao hàng cho bên B tại boong tàu của bên B theo địa điểm bên B chỉ định trong vòng 05 ngày kể từ ngày bên A nhận được đơn đặt hàng của bên B.
- Hàng được giao nhận theo hình thức nguyên đai nguyên kiện theo ký mã hiệu được ghi trên bao bì. Tất cả các mặt hàng được đựng trong các bao bì bằng thép hoặc bằng nhựa có đầy đủ nhãn mác phù hợp với quy định về hàng hóa, được niêm phong mang nhãn hiệu Amtecol.
- Mọi sự khiếu nại về số lượng chỉ có giá trị ngay trong khi nhận hàng với sự có mặt của cán bộ đại diện của cả hai bên.

Điều 4. Hóa đơn và thanh toán.

*** Chứng từ thanh toán:**

- Giấy giao nhận hàng hóa giữa đại diện bên A và bên B
- Hóa đơn bán hàng hợp pháp của bên A.
- Giấy chứng nhận kiểm định sản phẩm hoặc C/O, C/Q của lô hàng.

*** Hình thức thanh toán:** thanh toán bằng chuyển khoản.

*** Thời hạn thanh toán:** Bên B thanh toán toàn bộ tiền hàng cho bên A trong vòng 30 ngày kể từ khi bên A xuất hàng cho bên B. Nếu trường hợp không thanh toán đúng hạn, bên B phải chịu chi trả lãi suất tiền hàng bằng lãi suất ngân hàng kể từ thời điểm chậm thanh toán.

Điều 5. Trách nhiệm của các bên.

5.1. Trách nhiệm của bên A:

- Phương tiện ra vào bến bãi cấp hàng đảm bảo tuyệt đối an toàn phòng chống cháy nổ và đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường. Trường hợp rủi ro xảy ra có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với bên B để có giải pháp khắc phục kịp thời.
- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, thời gian theo yêu cầu của bên B, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo nguồn hàng ổn định, thường xuyên đúng số lượng, chất lượng và tiến độ theo yêu cầu đặt hàng của bên B.
- Cung cấp các thông tin, tài liệu kỹ thuật đầu nhòn, mỡ theo yêu cầu của bên B trong phạm vi cho phép của bên A.
- Gửi hóa đơn bán hàng (GTGT), biên bản giao hàng cho bên B theo đúng quy định.

5.2. Trách nhiệm của bên B:

- Dự trữ cho bên A lượng hàng và chủng loại dầu cần cung cấp theo tháng.
- Gửi đơn đặt hàng cho bên A.
- Cử cán bộ cùng với bên A giao nhận hàng nhanh chóng, an toàn.
- Thanh toán tiền hàng đầy đủ, đúng hạn.

Điều 6. Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng này. Trong thời gian thực hiện nếu phát sinh các bất đồng thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên

ting thân hợp tác. Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận thì sẽ đưa ra Tòa Kinh tế, TAND bên khởi kiện đặt trụ sở để giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do bên có lỗi chịu.


- Vì bất cứ lý do nào mà các bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày.

- Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này phải được thỏa thuận bằng văn bản và được người có thẩm quyền ký theo quy định của pháp luật.

- Sau khi hợp đồng này chấm dứt thực hiện, nếu bên B còn nợ tiền hàng bên A thì hai bên tiến hành ký xác nhận công nợ và xác định thời hạn bên B phải thanh toán dứt điểm cho bên A.

- Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày 02.01.2023 đến hết 31.12.2024; được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Hết thời hạn trên, hai bên không ký tiếp hợp đồng nữa thì hợp đồng này coi như đã được thanh lý.


ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Hoàn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Phạm Thế Trọng Hoàn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VAY VỐN

SỐ / 07 /HĐVV/2021

Hôm nay ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy – Vinacomin chúng tôi gồm:

Bên A: (Bên cho vay): Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin

Địa chỉ: Số 108, đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

MST: 5700647458

Điện thoại: 02033 518069

Fax: 0203.3518059

STK: 117 695 666 666 NHTMCP Công Thương VN - CN KCN Hải Dương

8689 8888 001 NHTMCP Tiên Phong - CN Quảng Ninh

Đại diện là: Vũ Văn Tâm

Chức vụ: Giám đốc.

Bên B: (Bên vay): Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận

Địa chỉ: Số 412, Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

MST: 5700562451

Điện thoại:

Fax:

STK: 01181 0023 9666 999 NHTMCP Phương Đông - CN Hải Phòng

1101 00000 6868 NHTMCP An Bình - CN Quảng Ninh

050 0101 200 6669 NHTMCP Hàng Hải VN - CN Quảng Ninh

Đại diện là: Trịnh Trung Uy

Chức vụ: Giám đốc.

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất ký hợp đồng vay tiền theo các điều khoản, điều kiện dưới đây:

Điều 1: Tổng số tiền vay:

Bên A đồng ý cho Bên B vay tiền theo nhu cầu của bên B.

Điều 2: Mục đích sử dụng tiền vay

Số tiền vay sẽ được sử dụng vào mục đích để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 3: Thời hạn và phương thức vay:

3.1. Thời hạn vay: 01 năm (từ ngày bên A chuyển tiền)

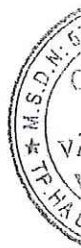
3.2. Phương thức vay:

- Chuyển khoản qua tài khoản số:

01181 0023 9666 999 NHTMCP Phương Đông - CN Hải Phòng

1101 00000 6868 NHTMCP An Bình - CN Quảng Ninh

050 0101 200 6669 NHTMCP Hàng Hải VN - CN Quảng Ninh



- Chuyển tiền thành nhiều đợt (có phụ lục kèm theo)

Điều 4: Lãi suất

- 4.1. Bên B đồng ý vay tiền với lãi suất: 9%/năm tính từ ngày bên A chuyển tiền vay.
- 4.2. Tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày cuối tháng tính từ ngày vay, hoặc được thanh toán bù trừ vào công nợ. Hàng tháng hai bên lập biên bản tính lãi hoặc biên bản bù trừ công nợ (nếu có).
- 4.3. Trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực không thay đổi lãi suất cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng này.
- 4.4. Khi nợ đáo hạn, bên B không trả đủ vốn và lãi cho bên A, tổng số tiền vốn và lãi còn thiếu sẽ được chuyển sang nợ quá hạn, và chịu lãi suất tính theo nợ quá hạn là 13.5%/năm.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Yêu cầu Bên B thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết.
- Ngừng cho vay, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện Bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng.
- Giao cho Bên B tiền vay theo lịch trình đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

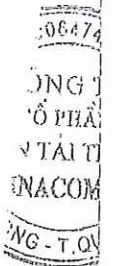
- Yêu cầu Bên A thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết.
- Từ chối các yêu cầu của Bên A không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng này
- Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn.
- Thanh toán hoặc bù trừ công nợ đầy đủ, đúng hạn toàn bộ nợ (gốc và lãi) cho Bên A;
- Chấp thuận và tạo điều kiện thuận lợi cho bên A theo dõi, kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay và tài chính của Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng cam kết theo Hợp đồng này.

Điều 7: Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

- 7.1 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
- a) Hai Bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
 - b) Một trong hai bên không thực hiện nghĩa vụ của mình.
 - c) Khi một bên là pháp nhân hợp nhất, chia tách hoặc chuyển giao quyền sở hữu mà pháp nhân mới không có mong muốn hoặc khả năng để tiếp tục thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận.

7.2 Khi một trong các sự kiện tại Điều 7.1 quy định ở trên xảy ra, bên chấm dứt trước thời hạn thông báo trước cho bên kia 15 ngày. Hai bên sẽ lập biên bản thỏa thuận trả nợ trước hạn và thanh lý hợp đồng trước thời hạn, đồng thời bên B phải trả toàn bộ tiền gốc và lãi tính đến ngày trả nợ trước hạn cho Bên A.

Điều 8: Sửa đổi, bổ sung, thanh lý Hợp đồng



- Các điều khoản trong Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận của các bên. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào phải được lập thành văn bản, có chữ ký của hai bên và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này, và hoàn toàn không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản khác.

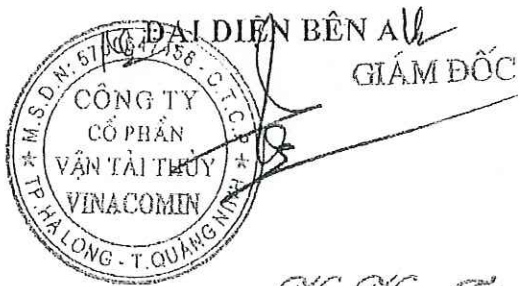
- Hợp đồng này được thanh lý sau khi Bên B đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này.

Điều 9: Giải quyết tranh chấp

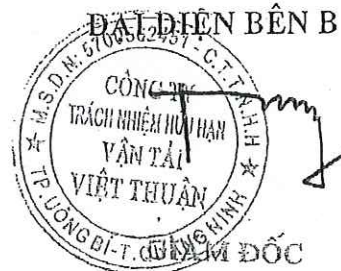
Các tranh chấp hợp đồng này sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng theo tinh thần bình đẳng và cùng có lợi. Trường hợp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền tại Quảng Ninh.

Điều 10: Hiệu lực của Hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký và kết thúc khi các nghĩa vụ đã được thực hiện xong
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.



Vũ Văn Lâm



Trần Trung Uy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG VAY VỐN
SỐ: 07.16 /HĐVV/2021

Căn cứ Hợp đồng vay vốn số 07/HĐVV/2021 ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc vay vốn giữa Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin và Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại Công ty CP Vận tải thủy - Vinacomin chúng tôi gồm:

Bên A: (Bên cho vay): Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin

Địa chỉ: Số 108, Đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 02033 518069 Fax: 0203.3518059

STK: 117 695 666 666 NHTMCP Công Thương VN - CN KCN Hải Dương

Đại diện là: Phạm Thế Trọng Toàn Chức vụ: Giám đốc.

Bên B: (Bên vay): Công ty TNHH Vận tải Việt Thuận

Địa chỉ: Số 412, Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: Fax:

STK: 01181 0023 9666 999 NHTMCP Phương Đông - CN Hải Phòng

1101 00000 6868 NHTMCP An Bình - CN Quảng Ninh

Đại diện là: Trịnh Trung Úy Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 07.16/HĐVV/2021 ngày 31/12 /2022 với các nội dung như sau:

Điều 1: Sửa đổi Điều 3 Hợp đồng số 07/HĐVV/2021 ngày 05/11/2021 và PL 07.07/HĐVV/2021 ngày 31/12/2021 : Thời hạn vay

3.1. Thời hạn vay: 30 tháng (từ ngày bên A chuyển tiền)

Toàn bộ các khoản vay đã giải ngân theo hợp đồng số 07/HĐVV/2021 từ ngày 27/12/2021 đến ngày 26/12/2022 được áp dụng theo khoản 3.1 điều 1 của phụ lục này.

Điều 2: Bảo lưu hợp đồng:

Các nội dung, điều khoản khác không đề cập trong Phụ lục này thì không thay đổi, vẫn giữ nguyên theo Hợp đồng số 07/HĐVV/2021 ký ngày 05/11/2021

Phụ lục hợp đồng vay vốn được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị kể từ ngày 31/12/2022.



ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Phạm Thế Trọng Toàn



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Trịnh Trung Úy